

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



NGUYỄN THỊ THẨM

ĐỀ TÀI ĐỒ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN NỮ
ĐƯƠNG ĐẠI (KHẢO SÁT QUA TRUYỆN NGẮN
CỦA NGUYỄN THỊ THU HUỆ VÀ DI LI)

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

Hà Nội – 2019

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



NGUYỄN THỊ THẨM

ĐỀ TÀI ĐỒ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN NỮ
ĐƯƠNG ĐẠI (KHẢO SÁT QUA TRUYỆN NGẮN
CỦA NGUYỄN THỊ THU HUỆ VÀ DI LI)

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 01 21

Người hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Thị Năm Hoàng

Hà Nội - 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: luận văn *Đề tài đô thị trong truyện ngắn nữ đương đại (khảo sát qua truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li)* là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Thị Năm Hoàng. Các số liệu, kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này trung thực và chưa từng được công bố dưới bất cứ hình thức nào. Những tài liệu tham khảo, ý kiến được trích dẫn nhằm làm sáng tỏ thêm vấn đề đều được ghi chú nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, tháng 09 năm 2019

Người thực hiện luận văn

Nguyễn Thị Thắm

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu cũng như hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, động viên từ thầy cô, người thân, bạn bè. Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Thị Năm Hoàng – người đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn. Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy, cô giáo trong Khoa Văn học, bộ phận đào tạo Sau đại học – trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Cuối cùng, xin cảm ơn gia đình, người thân, bạn bè đã luôn động viên, khích lệ để tôi hoàn thành luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2019

Người thực hiện luận văn

Nguyễn Thị Thắm

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
1. Lý do chọn đề tài.....	3
2. Lịch sử vấn đề	5
2.1.Những nghiên cứu chung về đề tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại	5
2.2.Những nghiên cứu về đề tài đô thị trong sáng tác của hai nhà văn nữ Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li	6
3.Đối tượng, mục đích và phạm vi nghiên cứu.....	11
4.Phương pháp nghiên cứu.....	11
5.Đóng góp của luận văn.....	12
6.Cấu trúc luận văn	12
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ TÀI ĐÔ THỊ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VÀ TRUYỆN NGẮN NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI	13
1.1.Khái quát về đề tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại	13
1.2.Khái quát về truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li.....	14
1.2.1.Truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ	14
1.2.2.Truyện ngắn trong sự nghiệp văn học của Di Li	18
CHƯƠNG 2. CON NGƯỜI VÀ ĐỜI SỐNG ĐÔ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI	21
2.1. Đặc điểm tính cách của con người đô thị.....	22
2.1.1. Cá nhân như là trung tâm của thế giới	22
2.1.2. Vẻ đẹp của con người đô thị	25
2.1.3. Sự tha hoá của con người đô thị.....	28
2.2. Những bi kịch và khát vọng đô thị.....	33
2.2.1. Sự lạc mất và tìm lại bản sắc.....	33

2.2.2. Cô đơn và khát vọng đồng cảm.....	36
2.3. Những vấn đề sinh thái và văn hoá đô thị.....	40
2.3.1. Những vấn đề sinh thái đô thị	40
2.3.2. Lối sống đô thị và sự ảnh hưởng tới văn hoá truyền thống	46
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN ĐỀ TÀI ĐÔ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI.....	49
3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện.....	50
3.1.1. Tình huống tiêu biểu cho đời sống đô thị	50
3.1.2. Tình huống mang bản sắc phái tính	52
3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật	54
3.2.1. Xây dựng chân dung, ngoại hình nhân vật đô thị	55
3.2.2. Khắc hoạ tâm lý nhân vật đô thị	58
3.3. Ngôn ngữ.....	60
3.3.1. Ngôn ngữ trần thuật	61
3.3.2. Ngôn ngữ nhân vật	64
KẾT LUẬN	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với chính sách mở cửa, hội nhập và sự phát triển của cơ chế thị trường, hiện nay ở nước ta, công cuộc đô thị hoá đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sôi nổi, tầng lớp thị dân cũng ngày càng đông đảo. Quá trình đô thị hóa cùng với nền kinh tế thị trường giàu tính cạnh tranh đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, xây dựng cơ sở vật chất cho đất nước. Tuy nhiên, tốc độ phát triển nhanh chóng của các đô thị, bên cạnh đó, cũng dẫn đến những hệ quả đáng suy ngẫm. Mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động mạnh mẽ dẫn đến sự rạn nứt của những giá trị truyền thống, đồng thời một bộ phận không nhỏ cư dân đô thị bị vòng xoáy của dục vọng, hư danh, đồng tiền chi phối... Những vấn đề trên đã được phản ánh khá đa dạng, phong phú và sâu sắc trong văn xuôi nói riêng, văn học nói chung qua nhiều tác phẩm, và có thể nói đã tồn tại một dòng văn học về đề tài đô thị. Các nhà văn thời kì này chủ động, nhạy cảm và nhanh chóng nắm bắt được những vấn đề nóng bỏng của đời sống xã hội, đi sâu đề cập đến những mặt tích cực, những điểm sáng trong đời sống đô thị đương đại, những vẻ đẹp của con người đô thị, và cả những mặt trái, những bi kịch của đô thị trong sáng tác của mình.

Truyện ngắn Việt Nam đương đại viết về đô thị rất đa dạng, khái quát được nhiều vấn đề của xã hội đô thị đương đại ở nhiều khía cạnh khác nhau. Như có một sự cuốn hút, đề tài đô thị đã thôi thúc các nhà văn thể hiện đam mê của mình. Họ không chỉ tiếp thu những cái mới, ca ngợi những điều tốt đẹp của cuộc sống mà còn thẳng thắn trước những mặt trái, sự tiêu cực của xã hội đang dần làm mất đi những giá trị truyền thống tốt đẹp của đời sống văn hóa, đạo đức và tinh thần con người đô thị. Bên cạnh các nhà văn nam với những sáng tác hết sức đặc sắc về đề tài này như Nguyễn Huy Thiệp, Đỗ

Phán, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Vĩnh Nguyên..., thì các nhà văn nữ cũng đem đến một cách quan sát, kể chuyện và bày tỏ suy tư rất riêng biệt trước sự vận động của đời sống đô thị đương đại. Kết hợp nghiên cứu về đề tài với nghiên cứu từ góc nhìn về giới, có thể thấy truyện ngắn nữ đương đại về đề tài đô thị thường xuất phát từ những câu chuyện liên quan đến tình yêu, hôn nhân, gia đình, thông qua những cảm nhận, chiêm nghiệm đầy nữ tính để thể hiện thông điệp về đời sống đô thị, về thời đại nói chung. Trong số nhiều nhà văn nữ đương đại viết về đô thị có những tên tuổi quen thuộc như: Phan Thị Vàng Anh, Phạm Thị Hoài, Y Ban, Dương Thụy, Võ Diệu Thanh, Nguyễn Thị Châu Giang,... Và Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li là hai cây bút nữ có nhiều truyện ngắn viết về đề tài đô thị. Truyện ngắn của họ lấy cảm hứng chủ đạo là những trăn trở, suy tư về đời sống và con người đô thị ở cả chiều rộng và bề sâu, cả về không gian và thời gian... Trong quá trình khảo sát đề tài, chúng tôi nhận thấy rằng hai nữ nhà văn này đều quan tâm đến cuộc sống và con người đô thị, những biến chuyển của xã hội Việt Nam trong quá trình đô thị hoá, hội nhập với cả những nét đẹp, những mặt tích cực mang tính hiện đại lẫn những mặt trái, những rạn nứt, đổ vỡ các giá trị truyền thống. Sáng tác của hai nhà văn đại diện cho cái nhìn về đô thị của hai thế hệ: một thế hệ chứng kiến quá trình chuyển biến của xã hội từ những năm đầu thời kỳ đổi mới, và một thế hệ sống trong quá trình hiện đại hoá và hội nhập nhanh chóng của xã hội vào đầu thế kỷ XXI.

Với mong muốn đóng góp một tiếng nói vào việc nghiên cứu truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại viết về đô thị, chúng tôi quyết định lựa chọn nghiên cứu *Đề tài đô thị trong truyện ngắn nữ đương đại (khảo sát qua truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li)*. Luận văn sẽ phân tích, so sánh sự thể hiện đề tài đô thị của hai tác giả, qua đó chỉ ra những điểm gặp gỡ và những nét đặc sắc riêng của từng tác giả khi viết về đề tài này. Chúng tôi cũng có sự so sánh sáng tác của hai nhà văn này với những tác phẩm của một số tác

giả khác, từ đó phân tích những vấn đề chung về một đề tài khá hấp dẫn trong truyện ngắn Việt Nam đương đại.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Những nghiên cứu chung về đề tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại

Vấn đề cuộc sống đô thị là một đề tài không còn xa lạ nhưng rất nhạy cảm, nó không chỉ xoay quanh tới những cái đẹp, cái tích cực của của cuộc sống con người trong quá trình đô thị hóa mà nó còn là mặt trái, những ẩn khuất của xã hội. Qua việc tham khảo hệ thống các tài liệu, chúng tôi nhận thấy đề tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại (chúng tôi sử dụng khái niệm này để chỉ văn học Việt Nam từ 1986 đến nay, tức là văn học trong bối cảnh đất nước được đổi mới và hội nhập) đã thu hút được sự chú ý của một số tác giả trong giới nghiên cứu, phê bình văn học. Trong số đó, đáng chú ý có thể kể đến hai bài viết sau:

Thứ nhất, tác giả Đặng Thái Hà qua bài viết *Vấn đề sinh thái – đô thị trong văn xuôi Việt Nam thời đổi mới* đăng trên *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* ngày 03/8/2005 đã đề cập đến quá trình đô thị hóa trong truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Minh Châu, Tạ Duy Anh... Tác giả đã khái quát sự ảnh hưởng của đô thị hóa đến môi trường sinh thái và những thách thức mà con người phải đối mặt với quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ. Đó là sự mất dần đi những giá trị truyền thống tốt đẹp mà thế vào là những cám dỗ của dục vọng, thói hư tật xấu tràn ngập khiến cho con người muốn chạy trốn thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt, xô bồ ấy. Bài viết này, thông qua cách tiếp cận từ phương pháp phê bình sinh thái, đã đưa ra những nhận định về hệ sinh thái đô thị, bao gồm cả hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái tinh thần, được thể hiện trong qua truyện ngắn nói riêng, văn học nói chung của thời kỳ đương đại.

Thứ hai, liên quan trực tiếp đến thể loại truyện ngắn, trong bài viết *Truyện ngắn đương đại về đề tài đô thị* đăng trên *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*

ngày 10/12/2012, tác giả Lê Hương Thủy đã đưa ra cái nhìn của mình về các sáng tác viết về đề tài đô thị trong bối cảnh xã hội hiện nay là những tác phẩm phản ánh trên mọi góc độ và phương diện của đời sống. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng không chỉ làm thay đổi bộ mặt các thành phố mà còn lan rộng sang khắp các vùng văn hóa cả nông thôn miền núi. Vì vậy, một đội ngũ của nền văn học hiện đại viết về đề tài đô thị. Họ quan tâm khai thác mọi hiện thực đời sống và con người thành thị. Con người cô đơn, con người cá nhân như một dạng công thức và tâm thái chung của đời sống đô thị. Từ đó dẫn đến sự thay đổi về hình tượng con người trong các quan niệm nghệ thuật của nhà văn hiện nay. Không chỉ đưa ra sự thay đổi về hình tượng nghệ thuật, bài viết còn chỉ ra những vấn đề của đời sống đô thị hiện đại trong nhiều sáng tác của các nhà văn: Nguyễn Khải, Hồ Anh Thái, Đỗ Phấn, Phong Điệp, Nguyễn Thị Thu Huệ... Có thể nói đây là một bài viết khá công phu và khái quát, đã không chỉ mô tả tình hình chung của sự phản ánh, mà còn phân tích giá trị xã hội và đặc điểm thi pháp của các truyện ngắn viết về đề tài đô thị.

Có thể thấy, đề tài đô thị ở thời kỳ này đã có rất nhiều các bài viết nghiên cứu, các luận văn, tiểu luận đề cập đến trong sáng tác của từng nhà văn. Tuy nhiên, nó chỉ là những nghiên cứu riêng lẻ ở từng nhà văn. Tuy đã có một số bài viết đã đề cập đến truyện ngắn viết về đề tài đô thị, nhưng còn thiếu các công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề đô thị trong truyện ngắn nữ đương đại Việt Nam.

2.2. Những nghiên cứu về đề tài đô thị trong sáng tác của hai nhà văn nữ Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li

1.1.1. Những nghiên cứu về đề tài đô thị trong sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ

Là một trong những nhà văn nữ tài năng của nền văn học đương đại, Nguyễn Thị Thu Huệ đã để lại số lượng tác phẩm tương đối lớn với những nét riêng biệt độc đáo. Tác phẩm của chị đã được nhiều ý kiến, bài viết, luận

văn... làm đối tượng nghiên cứu. Bùi Việt Thắng trong bài *Tứ tử trình làng* giới thiệu tập *Truyện ngắn bốn cây bút nữ* đã đưa ra những đặc điểm trong ngòi bút Thu Huệ: “*chao chát và dịu dàng, ngây thơ và từng trải, đau đớn và tin tưởng cứ trộn lẫn trong văn của Nguyễn Thị Thu Huệ tạo nên tính đa cực của ngòi bút nữ có duyên trong lĩnh vực truyện ngắn. Đọc truyện của Nguyễn Thị Thu Huệ ta bị cuốn vào trong niềm vui, và nỗi buồn bất tận. Đời sống hiện lên trên từng trang sách của chị, bề bộn, ngổn ngang...*” [57, tr.7-8]. Không chỉ có những bài viết có tính khái quát chung, còn nhiều các công trình luận văn, luận án nghiên cứu trên nhiều phương diện trong sáng tác của Thu Huệ. Với đề tài *Đặc điểm truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ* luận văn thạc sĩ của Trần Thị Hiệp năm 2014 đã có những đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ. Luận văn thạc sĩ của Tống Thị Minh với đề tài *Nghệ thuật trần thuật trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ* đã phân tích phong cách nghệ thuật với đặc điểm nổi bật trong bút pháp trần thuật của nữ nhà văn. Ngoài ra, các sáng tác của chị còn được coi là một đối tượng nghiên cứu nhỏ trong một số đề tài lớn như luận văn của Lê Thị Hương Thủy với đề tài *Truyện ngắn của một số cây bút nữ thời kì đổi mới (qua sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ, Y Ban, Phan Thị Vàng Anh, Lý Lan)* (2004), luận văn của Lê Thị Tuyết với đề tài *Nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Hoàng Diệu* (2010), luận văn của Lê Thị Huệ với *Đề tài gia đình trong truyện ngắn Trần Thùy Mai, Y Ban và Nguyễn Thị Thu Huệ* (2014) đều có những đánh giá chung về thế giới nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ là kiểu nhân vật lý tưởng, cô đơn, tha hóa và nhân vật nữ mang đậm sắc thái nữ quyền. Xây dựng nhân vật tiêu biểu của đời sống đô thị, Nguyễn Thị Thu Huệ cũng như các nhà văn khác đi vào miêu tả chân dung ngoại hình, phân tích tâm lý tính cách, xây dựng tình huống truyện và ngôn ngữ với giọng văn riêng biệt. Có thể nhận

thấy, truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ đã nhận được sự quan tâm của đông đảo giới nghiên cứu.

Không chỉ được đề cập trong các luận văn, các cuốn sách nghiên cứu, Nguyễn Thị Thu Huệ còn được bạn đọc quan tâm qua nhiều bài viết trên mạng điện tử. Trong bài viết *Một góc nhìn về văn xuôi nữ* đăng trên trang vannghequandoi.com.vn, Trần Thục đã bày tỏ quan điểm của mình về thể giới nhân vật của các nữ nhà văn: “*Nếu nhân vật của Y Ban dám lên tiếng đòi quyền hạnh phúc, thì người phụ nữ trong tác phẩm của Nguyễn Thị Thu Huệ cũng không kém phần táo bạo. Nhân vật nữ của chị khao khát, mong mỏi có được một tình yêu đích thực, sống hết mình với nó nhưng kết quả lại không như mong đợi, mà chỉ toàn là bi kịch*” [64]. Lê Dục Tú cũng trình bày những nét riêng độc đáo của Thu Huệ với những cây bút nữ cùng thời qua bài viết *Đội ngũ nhà văn viết truyện ngắn đương đại*: “*Cũng như nhiều cây bút nữ khác, truyện của Nguyễn Thị Thu Huệ chủ yếu đề cập đến những vấn đề thường nhật của cuộc sống như tình yêu, hôn nhân và gia đình nên phần lớn nhân vật của chị là nhân vật nữ; họ luôn trăn trở trong sự kiếm tìm tình yêu đích thực và hạnh phúc nhưng đó luôn là những ảo ảnh xa vời, bởi vậy họ dễ rơi vào bi kịch. Khám phá cuộc sống ở những điều bình thường, Nguyễn Thị Thu Huệ đã tỏ ra là một cây bút nữ sắc sảo khi nhìn cuộc đời theo con mắt của riêng mình. Hiện thực cuộc sống và con người được chị tái hiện không chỉ qua những trạng huống tâm lý tinh tế mà qua cả vốn ngôn ngữ miêu tả thể giới cảm giác phong phú đầy mẫn cảm, điều đó đã tạo nên dấu ấn riêng cho những tác phẩm của chị...*” [71].

Điểm chung của các công trình này cho rằng: Truyện ngắn của Thu Huệ đã phản ánh chân thực các vấn đề của cuộc sống và con người đô thị bằng ngòi bút sâu sắc, nhạy bén và chất giọng riêng. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy viết về đề tài đô thị trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ

chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện mặc dù đây là vấn đề được nhà văn thể hiện đậm nét trong nhiều truyện ngắn của mình.

1.1.2. Những nghiên cứu về vấn đề đô thị trong sáng tác của Di Li

Di Li là cây bút trẻ tiêu biểu của văn học Việt Nam đầu thế kỉ XXI. Chỉ trong một thời gian ngắn, chị đã có một số lượng tác phẩm khá lớn. Đồng thời chị đã được trao tặng nhiều giải thưởng văn học có uy tín, được giới phê bình ghi nhận, cũng như nhận được sự yêu mến và kỳ vọng từ độc giả. Di Li đã đạt được những thành công nhất định trên con đường sáng tác của mình. Tuy nhiên, những nghiên cứu về sáng tác của Di Li vẫn còn khá khiêm tốn chủ yếu là những bài viết, nhận định đăng tải trên báo, tạp chí.

Sau khi cho ra mắt một loạt các tác phẩm như các truyện ngắn *Tàng thứ nhất*, *Điệu Valse địa ngục*, *7 ngày trên sa mạc*, và tiểu thuyết *Trại hoa đỏ*, Di Li đã tạo được dấu ấn riêng biệt và thu hút được sự quan tâm của bạn đọc cũng như giới nghiên cứu, phê bình văn học. Trong một buổi tọa đàm về sáng tác của Di Li, đã có rất nhiều nhà văn, nhà phê bình đưa ra ý kiến nhận xét về Di Li. Đó là ý kiến của nhà phê bình Văn Giá về nét độc đáo riêng của Di Li thể hiện rõ qua tình huống truyện, các chi tiết và lời văn hấp dẫn nhằm bật lên tiếng cười hóm hỉnh; không chỉ vậy, qua truyện ngắn *7 ngày trên sa mạc* nhà văn quan tâm sâu sắc đến đời sống con người giới thượng lưu mà trước nay nhiều tác giả đã bỏ quên hiện thực này. Gần giống nhận xét của Văn Giá, tác giả Nguyễn An cũng cho rằng: Di Li đã bám chắc vào cuộc sống đô thị hiện đại để xây dựng truyện, tuy những trải nghiệm còn ít so nhưng chị đã cảm nhận và điều phối được chúng một cách hợp lý. Nhà văn Phạm Ngọc Tiến chỉ ra cái hấp dẫn trong sáng tác của Di Li không nằm ở những câu chữ mà ở chính “bản thân” câu chuyện. Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên lại có cái nhìn khác khi đánh giá về những cái kết còn chưa rõ ràng, khai thác thiếu chiều sâu của tác phẩm. Có thể nhận thấy rằng, hội thảo đã có những ý kiến

và đánh giá khác nhau nhưng nhìn chung đó là những nhận xét có quy mô nhất về nhà văn Di Li.

Không chỉ nhận được sự quan tâm của các nhà phê bình trong nước, Di Li còn tạo sự chú ý đối với các nhà văn nước ngoài. Trong bài viết *Nhà văn Di Li rong chơi kể “Chuyện làng văn”* đăng trên trang dantri.com.vn, Nguyễn Anh Thế đã đưa ra nhận xét của nhà văn Walter Mason (Australia): “*Những câu chuyện của Di Li đã phản ánh hình ảnh một Việt Nam chưa từng được biết đến trong hình dung của người phương Tây. Thế giới hư cấu của cô cân bằng giữa vẻ tinh tế, gợi cảm, quyến rũ của sự hiện đại và cả những bóng ma, những nỗi ám ảnh luôn gợi lên trong người đọc một đời sống đương đại đầy khắc nghiệt. Tôi đã bị mê hoặc bởi những câu chuyện về tình yêu, cuộc sống và cho rằng bất cứ người nào muốn tìm hiểu về một Việt Nam ở thế kỷ 21 đều nên đọc Di Li. Còn Charles Waugh, nhà văn Mỹ và đồng thời là giáo sư văn học của trường ĐH Utah bình luận: “Di Li đã bắt mạch được xã hội Việt Nam. Với một nhận thức sắc bén về những truyền thống xưa cũ, các câu chuyện của cô đã phản ánh một cách tỉ mỉ những gì đang diễn ra ở một thế giới hiện tại bằng phong cách viết điềm tĩnh, lạnh lùng, châm biếm và không kém phần hồi hộp”* [60].

Tuy nhiên, theo quan sát của chúng tôi, việc nghiên cứu về sáng tác của Di Li một cách hệ thống vẫn còn ít ỏi. Chiếm đa số những tài liệu chúng tôi thu thập được là những bài phỏng vấn Di Li về quan niệm văn chương, cách viết, lối sống... Những nhận định, bài viết trên là định hướng, cơ sở để nghiên cứu, tiếp cận truyện ngắn Di Li. Tuy nhiên phần lớn các ý kiến rải rác chưa có tính hệ thống, đa số đều tập trung vào mảng truyện ngắn trinh thám – kinh dị của Di Li, chưa khai thác sâu mảng truyện ngắn hài hước – thể loại Di Li tâm đắc sau trinh thám, kinh dị mà nội dung nổi bật của mảng truyện này là vấn đề đô thị. Luận văn này sẽ đi sâu vào nghiên cứu khảo sát các truyện ngắn của Di

Li, tập trung vào các truyện ngắn viết về con người, cuộc sống đô thị hiện đại nhằm nêu lên đặc sắc của nhà văn trẻ này một cách cụ thể, chi tiết.

3. Đối tượng, mục đích và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là đề tài đô thị trong truyện ngắn nữ đương đại (khảo sát qua truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li) nhằm khám phá các phương diện nội dung cũng như một số phương thức nghệ thuật thể hiện về đời sống đô thị trong truyện ngắn của hai nhà văn nói riêng và truyện ngắn nữ Việt Nam đương đại nói chung.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là những truyện ngắn viết về đề tài đô thị của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li, cụ thể là:

- Nguyễn Thị Thu Huệ: Gồm các truyện viết về đô thị in trong tập truyện *Thành phố đi vắng* (NXB Trẻ – 2012) và *Cửa để dành* (NXB Trẻ – 2018).

- Di Li: Gồm các tập truyện ngắn *Chiếc gương đồng* (NXB Phụ nữ - 2010), *Tháp Babel trên đỉnh thác ánh trăng* (NXB Văn học – 2010), *Tầng thứ nhất* (NXB Văn học – 2010) và *Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường* (NXB Phụ nữ - 2017).

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về đề tài đô thị trong truyện ngắn nữ đương đại qua hai trường hợp tiêu biểu, tức là quan sát sự thể hiện những vấn đề của đời sống đô thị đương đại trong truyện ngắn, do đó, hướng tiếp cận của chúng tôi là tiếp cận từ góc nhìn thể loại kết hợp với góc nhìn văn hoá và góc nhìn giới tính. Góc nhìn thể loại giúp chúng tôi xuất phát từ những đặc trưng của thể loại truyện ngắn để phân tích đề tài đô thị. Góc nhìn văn hoá giúp chúng tôi phân tích được những vấn đề văn hoá – xã hội, sự thay đổi của các hệ giá trị sống của các nhân vật đô thị gắn với môi trường văn hoá cụ thể của từng tác phẩm, từng nhà văn. Góc nhìn giới tính là hướng tiếp cận để thấy được những

nét riêng mang bản sắc giới tính trong tư duy nghệ thuật và phương thức thể hiện của các nhà văn nữ về đề tài đô thị.

Hướng tiếp cận mang tính liên ngành trên sẽ được chúng tôi cụ thể hoá qua các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành: thi pháp học, tự sự học và phê bình sinh thái để phân tích các tác phẩm cụ thể, nhằm không chỉ chỉ ra những vấn đề văn hoá, xã hội mà còn thấy được đặc điểm nghệ thuật, giá trị thẩm mỹ của các tác phẩm khi thể hiện đề tài đô thị.

Các thao tác cụ thể: liệt kê, phân tích, so sánh sẽ được chúng tôi vận dụng kết hợp để khảo sát đối tượng và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể.

5. Đóng góp của luận văn

Từ việc khảo sát thực tiễn truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li về đề tài đô thị, chúng tôi muốn khẳng định những đóng góp của hai nhà văn nữ trong mảng đề tài này. Đồng thời, thông qua những phân tích so sánh, luận văn bàn tới những vấn đề cơ bản trong mảng sáng tác về đề tài đô thị trong truyện ngắn nói riêng, văn xuôi nói chung hiện nay.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Khái quát về đề tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại và truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li.

Chương 2: Con người và đời sống đô thị trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li.

Chương 3: Một số phương thức thể hiện đề tài đô thị trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li.

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ TÀI ĐÔ THỊ TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VÀ TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI.

1.1. Khái quát về tài đô thị trong văn học Việt Nam đương đại

Sau năm 1986, cùng với sự chuyển mình của đất nước để bước vào thời kì đổi mới và hội nhập ngày càng mạnh mẽ, thì văn học cũng có sự lột xác nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiếp nhận bằng luồng ánh sáng đổi mới mạnh mẽ. Đây chính là cơ hội cũng như sự thách thức lớn đối với người cầm bút, đòi hỏi sự nhạy bén với thời cuộc. Khi đó, nhiều cây bút của văn học Việt Nam đương đại đã nhanh chóng nắm bắt nhu cầu của người đọc, lấy hiện thực đời sống đô thị phản ánh trong sáng tác của mình như: Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái, Đỗ Bích Thúy, Phong Điệp, Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li,... Với vai trò là người tiên phong, Nguyễn Huy Thiệp đã hướng ngòi bút của mình vào phản ánh cuộc sống đô thị một cách toàn diện với một loạt các sáng tác như: *Tướng về hưu*, *Không có vua*, *Huyền thoại phố phường*,... Ở đó, người đọc có thể thấy cận cảnh những gương mặt dị dạng, những con người tranh giành, tính toán, ích kỉ... qua cái nhìn cuộc sống và con người đô thị với thái độ sắc lạnh của nhà văn. *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng cũng là một minh chứng cho những biến đổi của thời cuộc về sự rạn nứt trong gia đình truyền thống của người dân Hà Nội. Nhà văn như đưa ra một lời cảnh báo trước sự sụp đổ những giá trị đạo đức dẫn đến bị kịch gia đình bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Những giá trị truyền thống dần mất đi của người Hà Nội trong tập truyện *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải. Hà Nội với rất nhiều màu sắc, rất nhiều câu chuyện thú vị mang đặc trưng riêng biệt của mình cũng đã hiện lên sống động trong tác phẩm của Đỗ Phấn, Nguyễn Việt Hà. Nhà văn Phan Thị Vàng Anh đề cập đến những bi kịch *Khi người ta trẻ*, những câu chuyện tình yêu hoặc những trạng huống “vỡ mộng”, tan vỡ niềm tin, khoảng cách thế hệ mà những chàng trai, cô gái đô thị phải đối mặt.

Nữ nhà văn đương đại Đỗ Bích Thúy cũng mạnh dạn khi nhớ lại những kỉ niệm thừa đầu trở thành công dân thủ đô qua tác phẩm *Cửa hiệu giặt là*.

Qua những đứa con tinh thần của mình, Thu Huệ đã góp phần tô điểm thêm cho bức tranh văn học viết về đô thị bằng cái nhìn toàn diện. Bên cạnh vẻ đẹp của đô thị (*Rượu cúc...*) là những thực trạng ngọt ngào của đời sống trong thời kì đất nước hội nhập (*Mi Nu xinh đẹp, Thiếu phụ chưa chồng, Nước mắt đàn ông...*). Là một nhà văn trẻ, bên cạnh những cuốn sách best-seller ở thể loại trinh thám – kinh dị, ỉn sau đó Di Li cũng hướng ngòi bút của mình về đề tài đô thị. Với một loạt các tác phẩm như: *Tầng thứ nhất* (2007), *Điệu Valse địa ngục* (2007), *7 ngày trên sa mạc* (2009),... Ở đó, nhà văn đã cho người đọc thấy rõ những mặt trái của xã hội hiện đại. Đó là một đời sống luôn có sự bon chen, trộn lẫn giữ hư và thực về những tham vọng, cuồng si của con người, đặc biệt là của giới trẻ hiện nay.

Với những thay đổi trên mọi phương diện cả về đời sống vật chất và tinh thần, văn học Việt Nam đã có những thành công nhất định, góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng nền văn hóa nghệ thuật của thời đại mới. Những sáng tác viết về đời sống đô thị với số lượng ngày càng lớn đã cho thấy văn học Việt Nam cũng nhanh chóng bắt nhịp cùng với sự chuyển mình của xã hội hiện đại. Bên cạnh những cây bút kì cựu, không thể bỏ qua những đóng góp của các nhà văn nữ đương đại mà tiêu biểu là Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li... đã mang lại cho truyện ngắn một bầu không khí mới về đề tài đô thị.

1.2. Khái quát về truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li

1.2.1. Truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ

“Tôi cho rằng, làm bất cứ nghề gì cũng cần phải có tài, dù là ít. Riêng với những người làm nghệ thuật thì yếu tố tài năng rất cần thiết. Bên cạnh đó một thứ bắt buộc phải có là kiến thức trang bị về nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, có tài mà không có học thì đến một lúc nào đó cũng sẽ hết tài, hoặc những sản phẩm tinh thần của họ sẽ chỉ là sự lấp lánh của bản năng mà thôi.

Tài năng cần được nuôi dưỡng bởi kiến thức học hỏi và kinh nghiệm cuộc sống”. Nữ nhà văn tài hoa Nguyễn Thị Thu Huệ đã từng chia sẻ quan niệm về công việc và cuộc sống của mình trong cuộc trao đổi với phóng viên báo *Đời sống và pháp luật* (Tiêu đề bài viết *Nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ: Văn chương là người tình tri kỉ*).

Nguyễn Thị Thu Huệ quê gốc Quảng Ninh, là con gái nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Tú. Chính vì vậy, Nguyễn Thị Thu Huệ đã được thừa hưởng cái gen tài năng văn chương từ người mẹ của mình. Gia đình chị cũng là gia đình có truyền thống văn học, cha là nhà báo Nguyễn Ngọc Chánh vậy nên tuổi thơ của chị đã được tiếp xúc với những con chữ cùng với đó là cảm hứng dạt dào từ trái tim đa sầu đa cảm và cái nhìn đầy tinh tế. Khi ở độ tuổi 37 chị đã từng tâm sự rằng: Cho đến bây giờ chị vẫn còn mơ mộng, những khi buồn, chị lại xón xang.

Mặc dù có tài năng văn chương từ nhỏ nhưng chị vẫn có những đam mê về nghệ thuật khác là hội họa và đã từng ước mơ trở thành họa sĩ. Nhưng sự nghiệp văn chương vẫn luôn được hun đúc mỗi ngày của cô sinh viên khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Với hai truyện ngắn ***Mùa trái mùa*** và ***Mùa hoa sáu rụng*** đăng trên báo *Văn Nghệ* đã tạo sự chú ý đối với độc giả cũng như giới phê bình bấy giờ. Nhưng sau đó con đường văn chương của chị có sự gián đoạn khi chị kết hôn ở độ tuổi còn trẻ. Dù bận rộn với gia đình nhỏ của mình nhưng chị vẫn tiếp tục cái “nghiệp” văn chương của mình. Mỗi buổi chiều, sau khi cơm nước xong, chị lại lên cơ quan say sưa viết cho tới tận đêm khuya. Những thay đổi trong cuộc sống đang diễn ra hàng ngày mà chị trải nghiệm được, những con người, những kỉ niệm,... như khắc sâu trong tâm hồn của chị để giúp chị thổi hồn vào mỗi trang văn. Mỗi chữ chị tâm huyết viết ra đều giàu chất đời và thấm đẫm tinh thần nhân văn sâu sắc.

Rồi cơ duyên lại giúp chị chuyển sang làm tại Hãng phim truyền hình Việt Nam, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Hà Nội. Năm 1996, chị đã

là Hội viên Hội nhà văn và nổi tiếng là một trong những cây bút nữ tài sắc vẹn toàn của văn học Việt Nam đương đại. Là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi nữ sau thời kì Đổi mới, ngay từ những truyện ngắn đầu tiên Nguyễn Thị Thu Huệ đã có một vị trí nhất định trên diễn đàn văn học. Trong quá trình cầm bút, chị đã có một số lượng tác phẩm khá lớn như sáu tập: *Cát bụi* (1992), *Hậu thiên đường* (1993), *Phù thủy* (1995), *Nào ta cũng lãng quên* (2003), *37 truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ* (2010), *Thành phố đi vắng* (2012) và gần đây nhất là *Cửa để dành* (2018).

Đọc truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ ta có thể thấy một bức tranh cuộc sống toàn diện với đủ các gam màu và nổi bật lên đó là số phận của những người phụ nữ. Chị có một sự quan tâm đặc biệt đến thế giới phái yếu và nhận ra rằng: nỗi ám ảnh của họ không phải là danh vọng, trách nhiệm với gia đình, cũng không phải là những đổi thay của đạo đức xã hội mà đó là tình yêu. Dù ở độ tuổi nào, dù hạnh phúc hay đổ vỡ thì họ đều khao khát được yêu thương, tìm kiếm tình yêu đến cùng. Đó là cô gái mới lớn sẵn sàng vượt hàng trăm cây số để nghe theo tiếng gọi của con tim mà tìm đến người đàn ông đã từng có vợ có con (*Biển ấm*), hay cô con gái mười sáu tuổi với sự liều lĩnh, đam mê trong cái thiên đường tình yêu với người đàn ông đã có con (*Hậu thiên đường*)... Một điều đặc biệt là nhà văn còn phát hiện ra những đam mê trong tình yêu của những người không được tinh tảo (*Cõi mê; Nào, ta cùng lãng quên*).

Tuy nhiên, một đề tài đáng chú ý trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ, đó là đề tài đô thị. Nhà văn đã khai thác sâu về con người và đời sống đô thị hiện đại. Thay vì đi tìm kiếm tình yêu là những trở trở về tình người đang ngày một cạn kiệt thậm chí là biến mất trong cuộc sống đô thành hiện đại. Con người vô cảm, tình người băng giá, sự bất an và những cái chết đã trở thành nỗi ám ảnh trong đời sống đương đại. Thu Huệ từng giải bày trong những bài phỏng vấn: “Ngày trước, những câu chuyện của đời sống đến

với tôi, và tôi kể lại chúng theo cách nhìn của một người trẻ, trong một xã hội ít bất an, đâu đó còn nhiều góc bình yên. Bây giờ, đời sống của đám đông, của những thân phận bị trôi lên trụt xuống quây đạp nhằm tồn tại trong những cơn sóng táp thẳng, khiến tôi chao đảo, buồn bã và đau đớn. Và tôi đã kể những chuyện qua lăng kính của tôi, những ngày tháng này. Lạnh lùng ở câu chữ, nhưng xa xót trong tâm can. Tuy vậy, tôi chưa mất hẳn niềm tin vào con người. Rải rác ở đâu đó vẫn còn những người đau đầu làm điều tốt, làm ra những thứ có ích cho cộng đồng” [9]. Những câu chuyện trong hai tập truyện ngắn **Thành phố đi vắng**, **Cửa để dành** là sự đánh mất chính mình của con người hiện đại trước những giá trị đạo đức và truyền thống đang dần mai một, những giá trị mới của nền kinh tế thị trường thế chỗ vào. Đó là thói vô cảm, sự thờ ơ đến lạnh lùng và cả tội ác với những bộ mặt khác nhau. Họ sống với nhau nhưng càng làm mất đi sợi dây kết nối, con người như “đi vắng” trong chính cuộc đời của mình. Trước sự thay đổi đến chóng mặt của thời cuộc, Thu Huệ đã nói: “Tôi luôn bị ám ảnh về những dòng chảy đang xoay chuyển những thế hệ người Việt theo hướng xấu đi, đang đi xuống. Sự thanh cao, phẩm chất đáng quý của người Việt một là dần bé lại, hai là bị đè nén trước sự tràn trụi và thô tục, sự suy cấp đạo đức, bế tắc không lối thoát trong khi vẫn phải sống chứ không chết hay tìm ra một giải pháp khác. Sự bất an, đời sống khó khăn, đơn điệu, những thói quen sinh hoạt văn hóa cộng đồng ít dần làm người ta mất cảm xúc... Những giá trị tốt đẹp bị triệt tiêu từ từ, thay bằng sự hào nhoáng phô trương của trang phục, đồ dùng tỷ lệ nghịch với văn hóa sống...”[9]. Với lối viết khách quan, điều tiết cảm xúc tối đa, mỗi tác phẩm của chị đều hiện ra như một bản tường trình về cuộc sống. Chị giống như một nhà quay phim chuyên nghiệp hướng ống kính vào từng mảng đời sống khác nhau rất chăm chú, tỉ mỉ ghi hình, bắt cận cảnh từng khoảnh khắc. Không đưa ra những dự đoán hay phán quyết bất cứ điều gì, mỗi truyện ngắn nhà văn đã đưa đến cho độc giả cách tiếp cận gần nhất với đời sống đô

thị đương đại cũng những vấn đề của nó, như trong các tác phẩm: *X-Men có mùi trường đua; Cú mèo và rượu hoa; Không thể kết thúc; Sống gửi thác vè; Cửa cha, của con những cành vạn niên thanh; Thu xếp cuối đời; Thành phố đi vắng; Cửa để dành....* Tìm hiểu những tác phẩm của Nguyễn Thị Thu Huệ từ những truyện ngắn đầu tiên của thời *Hậu thiên đường* đến *Thành phố đi vắng* rồi *Cửa để dành* chúng ta sẽ thấy những chuyển biến trong ngòi bút của chị cùng với sự sắc sảo, tinh tế, là sự già dặn, trưởng thành của người từng trải với những suy tư, chiêm nghiệm về giá trị của cuộc đời và con người. Với những dự cảm của người phụ nữ tinh nhạy, tập truyện mới nhất của chị như lời cảnh báo một đời sống của lối sống vô cảm hiện nay.

1.2.2. Truyện ngắn trong sự nghiệp văn học của Di Li

Với một bút danh độc đáo, Di Li được đa số độc giả biết đến như một tác giả của nhiều cuốn sách best-seller của Việt Nam. Từ nhỏ, chị đã ham mê văn chương, đọc các tác phẩm của Nam Cao, Nguyễn Công Hoan. Chính vì vậy, văn chương đã tự thấm vào chị từ rất sớm. Nhưng nghiệp cầm bút thì đến với chị hơi muộn so với những người bạn văn cùng thời (Trang Hạ, Phong Điệp, Hoàng Anh Tú), vì sau khi tốt nghiệp đại học chị mới bắt đầu sáng tác. Tác phẩm đầu tiên *Hoa mộc trắng* được đăng báo năm 2000. Đây là một câu chuyện tình lãng mạn vùng non nước pha chút màu sắc liêu trai. Rồi lần lượt chị cho ra đời hàng loạt truyện ngắn sau đó hợp lại trong hai tập truyện ngắn *Tàng thứ nhất* (2007), *Điệu Valse địa ngục* (2007). Năm 2009, tiểu thuyết *Trại hoa đỏ* ra đời đã tạo nên một dấu ấn đặc biệt trong lòng độc giả. Với tác phẩm này, Di Li được coi là một trong số ít những nhà văn đương đại khai mở một thể loại văn học mới có sự kết hợp giữa trinh thám và kinh dị. Không chỉ tạo tiếng vang trong nước, báo chí Hàn Quốc, Nhật Bản cũng đánh giá cao chị là một trong những nhà văn hàng đầu của văn xuôi Việt Nam đương đại. Trong năm đó, Di Li lại tiếp tục đưa đến cho bạn đọc hai tác phẩm là *7 ngày trên sa mạc* và *Đảo thiên đường*. Hai cuốn này cũng là những cuốn sách

best-seller bấy giờ. Chị viết không ngừng nghỉ và liên tục cho ra đời 8 cuốn từ năm 2010 đến 2012: *Cocktail thị thành, Tháp Babel trên đỉnh thác Ánh trăng, Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường, Chiếc gương đồng, Nhật ký mùa hạ, San hô đỏ, Chuyện làng văn, The Black Diamond* (dịch).

Di Li không chỉ viết hay về thể loại trinh thám, kinh dị, mà ở những thể loại khác như truyện lãng mạn, truyện hài hước, phiến đàm văn chương hay du ký, v.v... cũng rất thu hút sự quan tâm của độc giả. Nhà văn Đỗ Bích Thúy đưa ra nhận xét về cái đa dạng trong lối viết: “*Di Li viết cái gì cũng đọc được*”. Văn chương Di Li là một điển hình cho dòng văn chương Việt ở thời kì hội nhập bởi chị là một phụ nữ đã đi đến khắp các châu lục với vốn tiếng Anh xuất sắc.

Riêng về truyện ngắn, Di Li có hàng loạt các tác phẩm đã ra mắt công chúng bạn đọc như: *Tầng thứ nhất, Điệu Valse địa ngục, Ngày trên sa mạc hay Tháp Babel trên đỉnh thác Ánh trăng; Khách lạ và người lái taxi, Chiếc gương đồng; Bướm trắng về trú mưa; Nghĩa địa của những người sống, Món quà Giáng sinh, Âm, Cơn mưa qua nhanh; San hô đỏ, Giao thừa trắng, Tình yêu là như thế...* Những truyện ngắn của nhà văn ít có dấu ấn riêng của vùng đất Hà Nội nơi chị sinh ra, mà là những mảng sống bộn bề của xã hội đương đại. Đó là một đời sống luôn xô dịch, một đời sống bon chen và sự pha trộn giữa hư và thực. Một đời sống muôn hình với tình yêu con trẻ ngây thơ đến những đúc kết đắng cay của tình đời, tình người. Một đời sống mà tất cả lam lũ lập nghiệp đến lối vương giả tận hưởng. Một đời sống si mê đến cuồng dại, thù hận, chán chường. Một đời sống ta có thể đã thấy đã sống nhưng cũng có thể chỉ là gặp trong giấc mơ, trong ước vọng xa xôi.

Quan niệm văn chương của Di Li được thể hiện rõ qua hai phương diện: từ những tác phẩm nghệ thuật và những lần được phỏng vấn trực tiếp. Ai gặp Di Li cũng đều thấy chị là một phụ nữ năng động, cá tính và đa tài. Với số lượng đầu sách ấn tượng, nhiều người đã đặt ra câu hỏi cho chị là tại

sao Di Li lại mê viết và viết nhiều như vậy? Liệu chị có sống chết với nghề viết văn không? Di Li thẳng thắn: “*Tôi vẫn cho rằng, sống được bằng nghề viết là sang trọng nhất, đáng tự hào và hạnh phúc nhất. Tôi không phải người bắt tài, nhưng khi tôi cầm 50 triệu đồng từ nghề khác không sướng bằng cầm 50 triệu đồng từ nhuận bút hay một cuốn sách. Đến giờ khi đã ra nhiều sách, tôi vẫn không ngừng tham vọng để viết những cuốn sách hay, để sống bằng nghề viết chứ không mơ giàu có. Bởi trên thế giới này giàu có bằng nghề viết chỉ có vài người.*” [15]. Di Li còn chia sẻ niềm đam mê bất tận là được đi và để viết. Cứ có dịp chị lại sẵn sàng đi để tìm hiểu, trải nghiệm những vùng đất mới. Di Li cũng tâm sự rằng: trước mỗi chuyến đi, chị tìm hiểu rất kỹ, rất cụ thể nơi mà mình sẽ đến. Chính vì vậy, khi đọc những truyện như ***Viên kim cương đen, Vong hồn trên những cánh đồng chết, 7 ngày trên sa mạc, Hai người trên hoang đảo...***, Di Li đem đến cho độc giả cái cảm giác bị dẫn dắt bởi một người vừa như là một hướng dẫn viên du lịch lành nghề, vừa như là một nhà báo chuyên nghiệp và vừa như một thám tử bí ẩn nào đó. Bởi nhà văn quan sát, tìm tòi rất kỹ lưỡng và rất chịu khó hỏi.

Là một người năng động, nhạy bén với hiện thực đời sống, Di Li đã thể hiện rõ quan niệm nghệ thuật riêng trong các tác phẩm của mình. Đọc truyện ngắn của chị khó có thể nhìn thấy hiện thực bởi trong một bài phỏng vấn, Di Li cũng nhận định là chị thích viết những chuyện do mình nghĩ ra mà không thích những câu chuyện có thật trong cuộc sống. Điều này cũng được nhà nghiên cứu Bùi Việt Thắng đề cập trong bài viết “*Khi Di Li xuất hiện*”: Di Li viết hầu như chỉ đi theo một nguyên tắc duy nhất là bịa đặt. Với sức tưởng tượng phong phú, mãnh liệt, Di Li đã mang đến nhiều câu chuyện với màu sắc liêu trai, ghê rợn. Có như vậy, Di Li đã xây dựng cho mình một lối viết riêng rất độc đáo và li kì. Với cách viết mới lạ, truyện ngắn Di Li là sự đan xen giữa thực và hư với hệ thống nhân vật ảo đã tạo nên ấn tượng về những vấn đề thuộc tâm hồn, tâm linh con người. Sự pha trộn giữa hiện thực và

hoang đường, kì ảo đã tạo nên sự bung phá thể loại. Truyện ngắn Di Li hòa xen giữa ảo thực, người bóng ma, linh hồn xác, giả thật... đã mở ra cả trường liên tưởng (*Bộ tóc giả, Bức tranh và ngôi nhà cổ, Cocktail, Giếng, Điệu Valse địa ngục...*). Là nhà văn nữ tiên phong trên con đường khám phá một thể loại mới là tiểu thuyết trinh thám – kinh dị, truyện ngắn Di Li cũng được viết theo hướng này.

Văn xuôi nữ thời đổi mới đã tạo nên một sự thay đổi lớn trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại. Giờ đây, văn học nữ Việt Nam thực sự được lan tỏa khắp các không gian, các quan niệm về giới và nữ quyền được chính những người phụ nữ xây dựng và vun đắp. Với trải nghiệm đầy mới mẻ này, hình ảnh người phụ nữ đã mang lại cái nhìn đầy khác biệt trong chính hình ảnh của họ. Họ là người tự phác họa chân dung của mình, sử dụng những ngôn ngữ từ thân thể họ mà nhà văn nam không bao giờ thể hiện và cảm nhận được. Hai nữ nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li không phải là ngoại lệ. Và có thể thấy được phần nào điều này qua những sáng tác viết về đô thị của hai cây bút.

CHƯƠNG 2. CON NGƯỜI VÀ ĐỜI SỐNG ĐÔ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI.

2.1. Đặc điểm tính cách của con người đô thị

2.1.1. Cá nhân như là trung tâm của thế giới

Không phải những con người được khai thác từ tính quy phạm hay những phẩm chất mang tính đại diện cho một cộng đồng, một tập thể, các nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đều cho thấy một điểm quan trọng trong cách nhìn nhận và thể hiện con người của hai nhà văn: đó là sự quan tâm đặc biệt đến cái cá nhân, là sự thể hiện đời sống và tâm tư tình cảm của con người cá nhân như là trung tâm của thế giới nghệ thuật, để từ đó phản ánh những vấn đề của đời sống đô thị, của thời đại.

Với những đổi thay của xã hội, Nguyễn Thị Thu Huệ đã nhanh chóng bắt kịp xu thế mở cửa hội nhập của đất nước. Cùng với đó, xã hội hiện đại ngày nay cũng khiến cho quan niệm, vị trí của người phụ nữ trở nên bình đẳng hơn, họ dám sống là chính mình, thể hiện bản ngã. Những quan niệm, nguyên tắc truyền thống, không còn đủ sức kiềm hãm những khát khao, ham muốn của người phụ nữ. Sẽ còn ít những người mẹ “hóa đại” như vợ ông Nhân trong *Cú mèo và rượu hoa* thay vì nhẫn nhịn, cam chịu, chấp nhận thực tại phũ phàng như những phụ nữ của xã hội cũ là sự cố gắng tháo gỡ ràng buộc, tìm kiếm cho mình một hạnh phúc mới. Cuộc sống hiện nay con người đâu chỉ dừng lại ở những ham muốn đủ đầy về vật chất nữa. Tìm kiếm hạnh phúc, chinh phục bản thân đã khiến cho con người ở thời kì đổi mới rơi vào bi kịch, họ chơi vui trong chính cuộc đời của mình để đi tìm ý nghĩa cuộc sống, ý nghĩa của “cái tôi” cá nhân.

Với Nguyễn Thị Thu Huệ, con người đi ra khỏi chiến tranh bị ảnh hưởng tới sức khỏe do sự tàn phá, hủy diệt của bom đạn và khi may mắn trở về thì không ai khác chính là những người phụ nữ mà họ yêu thương đã nâng đỡ họ, giúp họ tiếp tục đứng vững và cùng nhau chia sẻ nỗi đau, sự mất mát,

cùng nhau đón nhận tình yêu thương như nhân vật Lụa trong *Bảy ngày trong đời*. Bên cạnh những mát mát mà người phụ nữ phải gánh chịu thì nhà văn cũng đã thấy được cả những mát mát về cả thể xác lẫn tinh thần mà người lính sau khi trở về từ chiến trường phải hứng chịu mọi nỗi đau. Nếu như Lụa vì con, vì người mình yêu thương mà trải qua những khó khăn để tìm Sánh thì người vợ của nhân vật Len trong *Cõi mê* lại có thể rũ bỏ chồng và đưa con của họ đi chỉ vì những tàn tật của người chồng do chiến tranh mang lại “*bị nghẽn ngãng và mờ mắt*”. Phải chăng đó là lí do khiến người vợ ra đi hay chính họ cũng đã phải gánh chịu những đau khổ, sự thiếu thốn của tình yêu thương. Chiến tranh sinh ra những người anh hùng ngoài trận chiến, những người phụ nữ chung thủy chờ chồng, nhưng cũng có những người phụ nữ yếu lòng, không thể sống thiếu tình thương và sự khốc liệt của chiến tranh mang lại. Nếu như lòng chung thủy của người phụ nữ làm ta khâm phục thì sự nệ dạ của người phụ nữ khác khiến ta vừa giận vừa thương. Suy cho cùng họ cũng chỉ là nạn nhân của chiến tranh mà thôi. Nhà văn đã thực sự dành những trang viết sâu sắc nhất để thể hiện những trang đời rất riêng biệt của từng cá nhân, từng tâm tư, từng trạng huống của đời người phụ nữ trong một bối cảnh chung như vậy.

Người phụ nữ nào cũng mong muốn có được một tình yêu, một hạnh phúc đúng nghĩa bởi khi yêu họ sẽ yêu bằng cả trái tim tuổi trẻ cho người mà họ coi sẽ gửi gắm cả cuộc đời và hướng tới một mái ấm gia đình. Nhưng cuộc đời còn nhiều ngang trái và bất công khi hạnh phúc gia đình tan vỡ. Họ tự dần vật bản thân, ám ảnh về quá khứ và đánh mất sự rung cảm với chính cuộc sống của mình. Những người phụ nữ đó có lỗi không? Chúng ta có thể đã yêu nhầm người, lấy nhầm chồng nhưng sau đó, có quyền cứu lại chính đời mình, ai bảo sẽ không hạnh phúc. Ai bắt một người phụ nữ phải sống mãi với quá khứ, hoặc để sai lầm trong quá khứ hành hạ bản thân? Người phụ nữ trong *Hậu thiên đường* đã vô tình đưa chính bản thân mình vào ngõ cụt của cuộc

đòi. Quá khứ về người đàn ông phụ bạc đã đeo đuổi cả tuổi trẻ của chị, chị hận tất cả những người đàn ông trên đời để sống một cuộc sống đơn độc và chị chỉ “*ong bướm*” qua đường với họ cho khỏi lấp những nỗi buồn trong cuộc sống. Nhưng làm sao chị có thể thoát khỏi được cuộc đời khi chị còn đang hiện hữu cùng nó. Rồi những cái giạt mình muộn màng ở tuổi bốn mươi và chị bắt đầu nhận ra cuộc đời của mình và cuộc đời của chính người con gái chị đã dứt ruột đẻ ra. Nhà văn đã viết thay cho tâm sự của một người mẹ lạc lòng: “*Tôi cảm giác mình đang đứng ở cuối con đường, nhìn thấy con đang đi qua mà không ngăn lại được*” [21,tr.51] khi biết quan tâm tới con gái thì con gái mười sáu tuổi đã đi vào cuối con đường đầy bóng tối không có lối ra.

Đến với nhà văn trẻ Di Li, cái tôi cá nhân của con người đô thị mang đến một làn gió khác lạ với những giá trị mới của thời đại, là công dân toàn cầu của “*thời đại a công*”, “*thời kì hội nhập về kếp tê ô*”. Đó là một số nhân vật thuộc giới trẻ trong đời sống đô thị hiện đại như chàng và nàng (***Pizza chiều thứ sáu***); Mỏ Neo và bạn bè của cậu (***Người cùng chung cư***)... Họ đều là kết quả của đời sống thượng lưu với những quan niệm mới: “*Sống tự do là một trong những sản phẩm văn minh nhất của thế giới văn minh*” [29,tr.17]. Đôi bạn trẻ trong ***Pizza chiều thứ sáu***, vì những mộng tưởng “*về một tình yêu lãng mạn và tuyệt mỹ*”, “*một ngôi nhà hạnh phúc*” nên đã quyết định xin bố mẹ ra ở riêng và thuê một căn nhà để ở cùng nhau mặc dù nàng có cách chàng 2000 cây số. Không chỉ vậy, những người bạn và Mỏ Neo trong ***Người cùng chung cư*** có hẳn một thế giới riêng vào mỗi đêm tại căn chung cư của Mỏ Neo, họ sống tự do cả trong cách sinh hoạt: “*Tạp chí, băng đĩa, quần áo, đầu mẫu thuốc lá, vỏ kẹo và chai lọ vắt vẻo mọi nơi tô điểm vào không khí kỳ cục của căn phòng*” [29,tr.20]. Phong cách thời trang, cử chỉ của họ làm cho người lớn thấy lố bịch: “*Lam Vi khiến bất kỳ người nào cũng khó chịu ngay từ lần gặp đầu tiên. Trượt đại học, mồm nói không ngại nghỉ trừ lúc nhai kẹo cao su và hút thuốc, toàn lời lẽ bậy bạ và ngớ ngẩn, quần cặp trễ, áo quai*

treo kiểu Marilyn Moroe, tóc tai hai tầng sợi ghi sợi vàng, móng tay đính cườm lóng lánh, nước hoa Elizabeth Arden, túi xách hiệu Louis Vuitton”
[29,tr.21]

Như vậy, con người đô thị mà Di Li mô tả luôn coi mình là “trung tâm của thế giới” với những sở thích ngông cuồng của giới trẻ thượng lưu và phần nào cũng phản ánh cá tính một bộ phận con người trong đời sống xã hội đương đại. Chị đã tạo nên những chân dung nhân vật hết sức mới mẻ, hiện đại, với màu sắc riêng biệt của đô thị trong thời đại hội nhập.

Dù là những nhân vật từng trải, lịch lãm, đầy chiều sâu, hay những nhân vật năng động, hiện đại, mang khát vọng tự do và khẳng định màu sắc riêng trong lối sống, suy nghĩ, thì điểm chung của sự thể hiện con người trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đều là sự trân trọng và tập trung phản ánh con người cá nhân, lấy cá nhân làm trung tâm của câu chuyện, vì thế mà mỗi truyện lại đem đến một bức chân dung ngoại hình và nội tâm hết sức hấp dẫn về con người cá nhân đương đại.

2.1.2. Vẻ đẹp của con người đô thị

Từ ngàn đời xưa, Hà Nội vốn là vùng đất thanh lịch, người Hà Nội vẫn còn lưu giữ đến ngày nay truyền thống giao tiếp ăn nói nhẹ nhàng, tao nhã. “*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài/ Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An*” hình ảnh đó luôn gắn liền với vẻ đẹp văn hóa của mảnh đất thủ đô với những đặc thù riêng. Tuy nhiên, trước biến động của đời sống hiện đại cũng đã có phần phai nhạt và đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến nếp sống sinh hoạt hào hoa đó, nhưng không vì vậy mà họ quên đi những giá trị văn hóa truyền thống bao đời cha ông gây dựng. Chính những nét đẹp đó đã được Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li gợi tả trong những tác phẩm của mình.

Nhân vật người Hà Nội trong sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ phần nào vẫn giữ được những nét tao nhã, thanh lịch của người Hà thành với một tâm hồn phong phú. Cái thanh, cái đẹp của người Hà Nội xưa được nhà văn

thể hiện ở cách nói chuẩn mực, nhẹ nhàng; ngoại hình giản dị mà nho nhã; cách ăn uống thanh cảnh,... Trong ***Còn lại một vầng trăng***, vào những đêm trăng sáng người con gái vẫn giữ được những thú vui như “*mua vài chục cái bánh rán ở gần cửa Bách Thảo, vừa ăn vừa ngắm trăng*” [21,tr.38] hay cách thưởng ngoạn vẻ đẹp của từng mùa “*Mùa xuân. Hai bên đường Nghi Tàm, Quảng Bá, hoa su si, hoa cúc vàng nở đẹp như những thảm hoa muôn màu. Mùa hè. Hoa sáu rụng ti li trắng bên đường. Mùa thu. Hoa sữa thơm nồng mái phố*”[21,tr.45]. Mặc dù có bận bịu với công việc thường ngày đến đâu nhưng người Hà Nội không thể nào quên được cái thú “chơi hoa” những ngày giáp Tết “*Những người Hà Nội gốc chẳng ai bảo ai, rủ nhau lên vườn Đào làng Găng xưa. Đi lang thang, nói chuyện vu vơ cho đỡ nhớ thuở nào bắt đầu hết đường Thanh Niên là bạt ngàn hoa cúc, hoa su si, hoa Đào. Gió sông Hồng mênh mang thổi làm những thân hoa lượn như sóng, các chàng Đào kiều hãnh đứng nhìn các ả hoa mùa lượn điệu dàng...*” [21,tr.315] trong ***Hoa nở trên trời***. Những thú vui hết sức đời thường mà nhã nhặn ấy luôn thường trực trong lòng mỗi con người Hà Nội. Đó còn là thói quen của người con gái trong ***Tình yêu ơi, ở đâu?*** vẫn dùng những chiếc khăn mùi xoa màu trắng thêu một cành hoa cúc, “*nàng như một tiểu thư khuê các, biết ngâm thơ và thưởng trăng*” [21,tr.79]. Đó còn là tình yêu thương vô bờ của những bậc cha mẹ chấp nhận cuộc sống đơn thân để dành cả cuộc đời vì con cái (***Mùa thu vàng rực rỡ, Hậu thiên đường, Cửa Cha, của Con những cành vạn niên thanh***).

Đến với sáng tác của nhà văn Di Li - gắn liền tốc độ phát triển chóng mặt của đô thị hiện đại, con người hội nhập thành thị đã biến đổi mạnh mẽ về mọi mặt. Hình ảnh con người đô thị khỏe khắn, năng động mang phong cách hiện đại, lối ứng xử tự tin. "Nếp cũ" còn đó nhưng đã giảm, không còn nhiều những lễ nghi, tập tục; ứng xử trong gia đình, bạn bè, hàng xóm cũng đơn giản, thông thoáng hơn...

Giờ khắc thiêng liêng nhất của năm mới, theo lễ nghi truyền thống thì gia đình sẽ tụ tập để cúng bái tổ tiên nhưng sống ở thời đại mới này, con người đặc biệt là giới trẻ lại có cách đón nhận giao thừa bằng niềm vui riêng của mình: *“Đêm giao thừa, họ quay cuồng trên sàn nhảy, một chút bia Corona làm má nàng hồng lên. Các bạn của chàng, của nàng và họ, đang phấn khích trong những động tác ngộ nghĩnh... Tiếng DJ vang lên phá tan sự yên tĩnh “Mời các bạn nhìn lên chiếc đồng hồ đếm ngược trên sân khấu. Chỉ còn vài giây nữa thôi là chúng ta bước sang thiên niên kỉ mới”* [31,tr.134] ở câu chuyện thứ ba trong ***Những câu chuyện về thời gian***.

Tưởng chừng con người sống ở thành thị, đặc biệt chỗ ở là chung cư thì khó có sợi dây kết nối hàng xóm láng giềng. Vậy mà nhân vật Miên trong ***Người cùng chung cư*** dù đã có một thời gian sống ở nước ngoài nhưng khi trở về nước, sống trong một chung cư có đến vài trăm nhân khẩu chị vẫn quan tâm đến những người sống quanh mình. Đó là *“Ở tầng trên, không rõ là 17 hay 18, có một nhóm các cô gái trẻ trung với những mái tóc đủ màu sắc... Cũng trên đó có vài doanh nhân người Hàn Quốc..., một anh họa sĩ nửa mùa mùa môm ngậm hột thị...”* [29,tr.15] và hàng xóm chị quan tâm đến nhiều nhất đó là Mỏ Neo. Mặc dù, Miên không phù hợp với lối sống của Mỏ Neo và bạn bè của cậu nhưng những ngày cậu đi vắng *“Miên mở cửa căn hộ của người bạn hàng xóm để dọn dẹp, dấu biết rằng chỉ đến sáng hôm sau, những thứ hổ lốn kia sẽ lại xuất hiện như cũ”* [29,tr.22]. Miên đã ba mươi tuổi nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp thuần khiết *“Nhiều người bảo Miên đẹp, nước da trắng mịn không tì vết, khuôn mặt trái xoan hệt trong bức tranh lụa thời nhà Đường, sống mũi dài và thẳng kiêu phụ nữ Hàn Quốc, đôi môi hình trái tim nhỏ xíu như cô tiên trên đám tích”* [29,tr.22]. Có thể nhận thấy, cách đánh giá về ngoại hình cũng được con người “hội nhập” hóa.

Từ truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ đến truyện ngắn Di Li, người đọc có thể thấy được một sự vận động trong cách nhìn và cách thể hiện vẻ đẹp của

con người đô thị. Những thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới và hội nhập của đất nước đã khiến cho quan niệm thẩm mỹ, lối sống, nếp nghĩ của con người đô thị có nhiều thay đổi, một mặt vừa có những nét truyền thống lâu đời, những phong tục, tập quán xưa, và mặt khác có thêm rất nhiều những sắc thái mới: lối sống hối hả, vội vã, vẻ đẹp phóng khoáng, đa dạng hơn và pha trộn thêm những yếu tố thẩm mỹ có tính toàn cầu.

2.1.3. Sự tha hoá của con người đô thị

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã mang lại cho con người một cuộc sống vật chất sung túc đầy đủ. Nhưng cùng với sự phát triển đó là sự đi xuống, sự phá vỡ những quy tắc đạo đức thông thường trong các mối quan hệ xã hội và gia đình. Những mặt trái của đồng tiền cứ dần dần len lỏi rồi ngự trị trong từng suy nghĩ và hành động của con người. Nguyễn Thị Thu Huệ, Di Li cùng với những nhà văn nữ khác đã mạnh dạn đưa ngòi bút của mình thể hiện cụ thể từng chi tiết sự tha hóa về đạo đức và lối sống để thấy được mặt trái muôn hình muôn vẻ của con người đô thị hiện nay.

Xã hội đang dần thay đổi nhưng không thể không nhận ra những giá trị đang dần mai một, đang dần bị bào mòn. Không gian đô thị đã góp phần khắc họa sự chông chênh, hoang hoải của con người trước một cuộc sống đang xoay vần chóng mặt với những mặt trái của nền kinh tế thị trường, của con lối đổi mới. Những điều nền nã, thanh lịch xưa giờ đang bị dung tục hóa được Nguyễn Thị Thu Huệ khắc họa rõ nét. Biến động của thời mở cửa đã khiến con người bị cuốn theo dòng chảy của thời cuộc, những ước hẹn ngày nào nay chỉ còn là dĩ vãng, thay vào đó là sự thật đến đau lòng của đám học sinh ngày nào trong *Hoàng hôn màu cỏ úa*: “*Đọc báo thấy con Ng. vốn là đứa mau nước mắt nhất hội hiện làm chủ chứa gái mại dâm ở một phố chợ và bị bắt... Chẳng lẽ vì cái kẻ sinh nhai, cái gọi là cơm áo gạo tiền mà ngày xưa chỉ là “muối” với chúng tôi thì giờ đây, chính nó là tất cả*” [21,tr.64-65]. Không gian tân thời của Hà Nội diễn tả một số đông nhân vật đang bị tha hóa với khu

chợ đêm không bao giờ ngừng nghỉ các hoạt động “*tá lả, chích choác, rượu chè và trai gái*” [21,tr.278], một thế hệ rỗng tuếch vô đạo đức, không lý tưởng với những thú vui vô thưởng vô phạt. Tác phẩm ***Cửa để dành*** còn đầy rẫy những cảnh tượng cười ra nước mắt, những nhân cách lệch lạc, méo mó hiện hữu ngay trong chính những thành viên gia đình bà Vy. Đó còn là cách ứng xử, lối sống ăn chơi sa đọa của một bộ phận dân cư trẻ thị thành với những gu thời trang chạy theo “mốt”, tính cách “nổi loạn” đêm đến phóng xe ngoài đường “cuồn cuộn” để vô tình chính đứa cháu nông cuồng kia lại là người gây ra cái chết thương tâm của ông nội trong ***Mùa thu vàng rực rỡ***.

Thu Huệ còn quan tâm đến việc con người vì mãi mê kiếm tiền, chạy theo nó mà quên đi các giá trị khác của cuộc sống. Sự thay đổi đến bất ngờ của cô giáo dạy văn trong ***Minu xinh đẹp*** đã khiến người chồng ngỡ ngàng từ một người phụ nữ dịu dàng thướt tha nay bỗng trở thành người mẹ chua ngoa, cay nghiệt, chửi chồng mắng con. Giữa lúc phong trào nuôi chó Nhật làm giàu đang thịnh hành người ta không chỉ nuôi chó để làm cảnh, trông nhà nữa mà còn có những vụ lợi khác. Con Minu giờ đây là cả gia tài “*hai cây vàng bốn con chín*” của gia đình vì vậy mà nó được coi trọng nâng niu, chiều chuộng, con chó còn hơn cả người thân khác trong gia đình. Đằng sau câu chuyện nuôi chó, nó còn là câu chuyện của khiếp người, là tình nghĩa vợ chồng, là những giá trị bị đảo lộn, là những bi hài kịch trước áp lực của đồng tiền mà nhà văn muốn gửi đến người đọc. Đặc biệt, nữ nhà văn còn xoáy sâu vào sự tha hóa các giá trị đạo đức trong đời sống. Chỉ vì ham muốn cá nhân mà con người sẵn sàng từ bỏ những luân thường đạo lý, tình nghĩa chị em để chạy theo dục vọng vật chất tầm thường như nhân vật My trong ***Thiếu phụ chưa chồng***. My luôn khao khát cuộc sống thành thị nên đã chấp nhận ngủ với anh rể, cướp chồng của chị gái mình. Còn Dương vì dục vọng nhất thời nên đã đánh đổi nghĩa tình vợ chồng mà đuổi vợ về quê rồi ngang nhiên đưa em gái vợ về nhà và cả hai đã phải trả giá cho những việc làm trơ trẽn mà họ

gây ra. Không chỉ vậy, sự lạnh lùng, thờ ơ, thói vô cảm và tội ác với nhiều bộ mặt khác nhau lần lượt xuất hiện trong đời sống thành thị ngày nay. Trong ***Thành phố đi vắng*** con người đang ngày một mất đi cái sợi dây kết nối, tình người ngày càng trở nên cạn kiệt, thiếu vắng. Những cái ác, cái xấu thậm chí là sự vô cảm đang dần hình thành trong tính cách của bất cứ ai và trở thành nỗi ám ảnh của con người. Từ bao giờ, con người có thể dễ dàng giết đồng loại của mình mà không một chút day dứt (***X-Men có mùi trường đua***). Con người có xu hướng sống chỉ biết lo nghĩ cho bản thân, tình ruột thịt thì bị coi thường: “*Buồn còn hơn dính với người. Tao ghét người nhất chúng mày ạ. Bao năm nay, lâu lắm tao mới ở chung với đồng người như mấy ngày vừa rồi mà chưa phát điên đấy*” [20,tr.204].

Nguyễn Thị Thu Huệ đã từng sống thời bao cấp và chứng kiến những đổi thay của cuộc sống phố phường nên chị có cái nhìn sâu sắc về những biến động của xã hội, con người đô thị trước sự tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, hội nhập. Còn đối với nhà văn Di Li, trưởng thành trong thời kì đất nước phát triển và đầy biến động nên cách nhìn nhận của chị đa dạng, mới mẻ và đầy sáng tạo. Nếu như Thu Huệ phản ánh sự tha hóa của con người thời kì hội nhập với những ham muốn về dục vọng, tiền tài, những cám dỗ của cơ chế thị trường thì Di Li lại cho chúng ta thấy được những cái ác đang ngày càng lấn chiếm và thói vô tâm vô cảm của con người hiện nay.

Trong ***Chiếc vòng bạc***, bà Trình bắt đầu tội ác từ thói hám tiền đến sự ghen tuông mù quáng. Bà ăn không ngon ngủ không yên khi phải chia sẻ chồng với A Sùng dù chính bà là người đã tạo nên mối quan hệ tay ba đó. Nỗi ghen tuông ngày một lớn, bà đã lên kế hoạch giết A Sùng. Khi đạt được mục đích của mình, bà hả được cơn ghen, chiếm được tiền và chiếc vòng bạc tinh xảo. Nhưng sau đó, những ảo giác bắt đầu xuất hiện rồi ám ảnh bà Trình: “*cái bóng áo xẻ màu da đồng của cô Sùng lượn ra lượn vào trong nhà. Nhiều lúc trong nhà một đống người, ngẩng lên bà cũng chợt thấy đôi mắt một mí của*

cô Sùng đang nhìn bà chăm chăm. Có hôm đang đêm chợt tỉnh giấc bà đã lại thấy cái đầu đội mũ tua đờ lơ lửng trên trần nhà” [29,tr.51-52], thậm chí khi vợ chồng đang trong những giây phút mặn nồng bà vẫn thấy bóng dáng của A Sùng. Rồi sau bao tháng ngày bị ám ảnh bởi ảo giác về hình bóng của A Sùng, bà Trình không thể tránh khỏi cái chết.

Cái ác không chỉ đo bằng hậu quả là cái chết mà nó còn được nhà văn Di Li thể hiện qua lối sống lệch lạc, hư hỏng của giới trẻ hiện nay và được phản ánh rõ trong các truyện ngắn như: *Người cùng chung cư, Quà tặng cuối cùng, Những người trẻ trong thành phố, Điệu Valse địa ngục,...* Ở những tác phẩm này, nhà văn đã thể hiện thế mạnh của mình về tâm lý tuổi trẻ, sống cùng thời đại, cùng với đó là sự tinh táo trong lối viết đã khiến cho độc giả càng bị cuốn theo. Viết về sự tha hóa trong lối sống của giới trẻ, của những người đang lao vào vòng xoáy thuốc lắc, ăn chơi sa đọa, vũ trường,... nhà văn đã đặt ra những mối quan tâm, trách nhiệm của bậc làm cha mẹ, của xã hội hiện nay. Giá như Mỏ Neo (*Người cùng chung cư*), Vi (*Những người trẻ trong thành phố*) và những người trẻ tuổi khác được gia đình chú tâm, sát sao chuyện học hành, công việc của con cái thì đã không có những chuyện đáng thương xảy ra. Kể cả những người nghệ sĩ trong *Quà tặng cuối cùng* nếu được gia đình, cơ quan, tổ chức xã hội quan tâm thì mọi chuyện dường như sẽ khác. Không chỉ là một nhà văn, Di Li còn đứng trên vai trò của một nhà báo để thể hiện những trăn trở của mình với nghề. Vì vậy, chị đã chuyển tải sự lo lắng đó qua *Tàng thứ nhất*. Nhân vật nhà báo đột nhiên mắc căn bệnh lạ vì làm trái với đạo đức nghề nghiệp, anh ta viết sai sự thật nên khi chết đã bị đày xuống địa ngục vừa phản ánh sự thật của đời sống qua cái nhìn tưởng tượng, vừa thể hiện thái độ phê phán của nhà văn với những người lợi dụng quyền lực của báo chí để vụ lợi.

Xã hội đô thị luôn ẩn chứa những mâu thuẫn khó giải quyết, một trong số đó chính là sự vô tâm của con người khi có sự phân cách giàu nghèo. Thuở

hàn vi con người sống nghĩa tình với nhau nhưng khi vật chất thay đổi thì tình cảm cũng đổi thay. Truyện ngắn ***Cái ghẻ***, Di Li đã thể hiện rõ vấn đề này. Lúc còn nhỏ Cu ghẻ gắn bó với chị Thúy thậm chí luôn bên vực và tuyên bố là sẽ lấy chị Thúy làm vợ dù cho mẹ đánh mắng, ngăn cấm quen biết người hàng xóm này. Nhưng lời hứa sau khi đi du học về sẽ trả đáp ân tình chị Thúy đã chìm vào lãng quên. Khi gặp lại người quen cũ với một thân phận khác và hành động phủ nhận mối quan hệ với chị Thúy đã cho thấy khoảng cách về thân phận của con người trong xã hội. Có lẽ, người ta chỉ muốn duy trì mối quan hệ mang lại lợi ích cho bản thân còn quá khứ không muốn nhắc tới. Mặc dù hai tuần sau, Cu ghẻ có tìm lại chị Thúy nhưng đã không còn cơ hội. Ba ngày sau lần gặp lại đó chị Thúy đã chết, chỉ còn lại sự hối hận của Cu ghẻ.

Chúng ta có thể nhận thấy những suy tư, trăn trở trước đời sống thực tại, chuyện đời, chuyện nghề của Di Li khi viết về những vấn đề xã hội. Có khi được thể hiện rõ nét (***Cái ghẻ***) có khi lại ẩn sâu trong tác phẩm khiến độc giả phải có trải nghiệm, vốn sống mới nhận ra (***Tàng thứ nhất, Tặng sách***). Điều này đã tạo nên chiều sâu trong sáng tác của Di Li, những truyện tưởng như hời hợt nhưng càng đọc càng thấu thâm thúy. Với vốn kiến thức về cuộc sống và tấm lòng tận tâm của người viết đã tạo nên một Di Li nghiêm túc, hăng say, một cây bút chân chính với nghề.

Đô thị bụi bặm và có nhiều đáng về nhếch nhác, con người bắt đầu chao đảo, thực tế tiền tài danh lợi dục tình đo đếm, để cái thô lỗ độc ác chà đạp lên phẩm giá lương tâm dẫn tới sự suy hoại trong từng góc đường con phố. Dù viết về sự tha hoá với màu sắc và cấp độ nào, truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đều cho thấy những trăn trở của hai nhà văn trước những vấn nạn xã hội, qua đó thể hiện cái nhìn xã hội ở chiều sâu cũng như tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trước thời cuộc của mình.

2.2. Những bi kịch và khát vọng đô thị

Ước mơ về một cuộc sống hạnh phúc là sự khao khát rất giản đơn, rất đời thường của mỗi con người. Truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li cũng như các nhà văn nữ đương đại khác đã trực tiếp hay gián tiếp nói lên những mơ ước, khao khát của mình. Tuy nhiên, bước vào một thời đại mới với sự phát triển của đời sống đô thị, họ như chạt vật tìm kiếm những điều “thanh cao hoang tưởng” để hi vọng về những điều tốt đẹp, khỏa lấp sự đơn độc, thiếu vắng trong đời sống khốn cùng của hiện thực. Nhân vật của họ có nguy cơ đánh mất mình trong cuộc sống ngổn ngang ở đô thị và quá trình tìm lại chính mình là một cuộc vật lộn đầy thử thách. Và chính những nỗi khát khao ấy cũng đã làm nên vẻ đẹp tâm hồn cho những nhân vật của họ.

2.2.1. Sự lạc mất và tìm lại bản sắc

Khi con người sinh ra đều mang cho riêng mình những điều khác biệt. Rồi theo thời gian, để gìn giữ và phát huy chúng trở thành bản sắc của riêng mình lại không hề đơn giản. Con người vẫn hay than thở, thất vọng về những điều mình chưa có được hay chính họ đã tự làm lạc mất đi cái bản sắc của cá nhân. Và nguyên nhân chính là do những đổi thay của xã hội, của một đời sống đô thị hiện đại đã khiến cho con người cố gắng đi tìm những giá trị riêng dành cho chính mình. Cứ như vậy, nó đã trở thành cái vòng lẩn quẩn không lối thoát của con người hiện nay. Tìm lại bản sắc của chính mình cũng là lúc con người tự nhận thức được mình nên làm gì với cuộc sống. Thể hiện con người tự nhận, hai nữ nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã khai thác đến tận cùng những điều bí ẩn trong tâm hồn con người, đặc biệt là những người phụ nữ: đó là sự hi vọng, khát khao tìm kiếm cho dù biết những điều đã qua sẽ không bao giờ quay trở lại. Tuy nhiên, ở mỗi nhà văn lại có cách khai thác nhân vật riêng của mình. Nếu như nhân vật trong truyện ngắn của Thu Huệ thường nghĩ nhiều hơn nói, luôn đối mặt với bản thân trong những

khoảnh khắc suy tư thì nhân vật của Di Li lại trái ngược lại, các nhân vật bộc lộ rõ qua lời nói, hành động rõ nét.

Truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ kể về con người khi để lạc mất đi chính mình quay trở lại với sự tự chất vất bản thân trong những khoảnh khắc và rồi chính lúc đó nhân vật thức tỉnh, tìm lại chính mình để biện hộ và giải thích cùng với những giằng xé nội tâm quyết liệt (*Hậu thiên đường, Giai nhân, Phù thủy, Cát đọi, Biển âm, Người đi tìm giấc mơ,...*). Căn tính của người mẹ trong truyện ngắn *Hậu thiên đường* cho ta thấy được khi người mẹ nhận thức được ý nghĩa thực sự của đời mình, quá khứ của mình không tránh khỏi sự đau đớn, day dứt. Người mẹ đã tự chất vấn lương tâm với sự ân hận muộn màng khi từ lâu đã vì mãi mê đi tìm hạnh phúc riêng mà quên đi tuổi thơ của người con gái. Chị tự dày vò, chỉ chiết chính mình: “*Con tôi lớn thật rồi. Sao đến bây giờ tôi mới biết điều đó nhỉ?... Hóa ra lâu nay, tôi đi đường tôi, còn con gái tôi thì tự tìm đường mà đi. Liệu nó còn đi lại con đường của tôi không?*” [21,tr.50-51]. Đọc truyện ngắn của Thu Huệ, chúng ta thường bắt gặp một vài câu chuyện về tình yêu hoặc sự khao khát tình yêu. Muôn vàn cung bậc của tình yêu đã được nhà văn nhìn nhận và lý giải với nhiều sắc thái khác nhau với sự cảm thông, sẻ chia của người phụ nữ bởi “*ai cũng mang khuôn mặt con gái*” (*Hậu thiên đường*). Đó là tình yêu khiến cho con người trở nên cao thượng (*Cõi mê, Lời thì thầm của mùa xuân*) lại có tình yêu vô vọng (*Cát đọi, Tình yêu ơi, ở đâu?*) nhưng dù mang dáng vẻ nào thì đó cũng là những mối tình dở dang và kết thúc bằng bi kịch. Người phụ nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ mang trong trái tim mình một tình yêu đợi chờ, khao khát tìm kiếm nhưng không thành hiện thực nên họ thường đau khổ thậm chí là cả sự mất mát. Cũng vì vậy mà tác phẩm nào cũng chất chứa hoài niệm và ước ao tìm được một hạnh phúc mong manh khó nắm giữ đầy sự trăn trở, day dứt trong tình yêu. Cái sự khác lạ mà độc đáo trong tình yêu của người con gái (*Cát đọi*) đã tạ nên nỗi khổ đau âm thầm: “*tôi không xếp xó*

tình yêu của mình, tình yêu của tôi không bị mạng nhện chằng, tôi đem nó đặt lên một cái bàn thờ, và siêng năng thờ cúng” [21,tr.20]. Vì không chấp nhận sự tầm thường, tẻ nhạt trong cõi đời này, người con gái đã phải chịu bao thiệt thòi mất mát vẫn không tìm được hạnh phúc cho mình và suốt đời sống lặng lẽ như triền cát kia mà tôn thờ những khát vọng về tình yêu.

Cùng viết về những câu chuyện tình yêu và khát khao tình yêu, Di Li lại mang đến cho người đọc một cái nhìn đầy mới mẻ khác hẳn với những day dứt về tình yêu của Thu Huệ. Dù cho thời gian có trôi nhưng nó không làm mất đi bản sắc trong tình yêu để rồi con người nhận ra chính tình yêu là nguồn động lực lớn của cuộc sống. Ba câu chuyện về tình yêu trong ***Những câu chuyện về thời gian*** của Di Li tưởng chừng như quá xa vời với hiện thực nhưng chính tác giả của chúng và độc giả cũng tin rằng: *“Biết đâu 40 năm sau, vẫn tồn tại những câu chuyện cổ tích giữa đời thực. Biết đâu...”* [29,tr.192]. Những câu chuyện tình yêu giữa đời thực tưởng như cổ tích đó chính là *“những tự ái của tuổi trẻ”* – nữ diễn viên nổi tiếng và chàng CEO thành danh đã mang theo nó suốt cuộc đời, để lấy tình yêu đó làm nguồn động lực cho sự phát triển của bản thân. Chính những lúc nhận ra lòng tự ái của bản thân và để lạc mất tình yêu ngày ấy đã khiến chàng trai trong câu chuyện thứ nhất không hề e ngại khi phát biểu về sự thành công của mình nhờ vào sự bùng nổ trong tình yêu của quá khứ. Và những vinh quang đạt được của nữ diễn viên thành danh *“với số cát sẽ cao ngất ngưởng”* luôn mang bên mình một bí mật để nàng *“diễn những trường đoạn tâm đắc”* cũng chính là quá khứ về một tình yêu ngọt ngào đó. Mặc dù cả hai đã trải qua những năm tháng của cuộc đời, những bùng nổ của tuổi trẻ đã qua nhưng họ vẫn luôn trăn trở và nhận ra được hạnh phúc thực sự của mình. Những nhân vật trong câu chuyện thứ hai và câu chuyện thứ ba mặc dù không đến được với nhau, nhưng dù cho thời gian có trôi đi thì tình yêu của họ vẫn còn mãi. Dù cho sai lầm của tuổi trẻ ra sao thì họ vẫn luôn hướng và nhớ về nhau *“Một ngày xuân ấm áp, nàng*

chợt nhớ ra người bạn cũ. Nàng tìm đến địa chỉ nằm trên tầng 36 một khu chung cư hiện đại” [29,tr.186-187] ở câu chuyện thứ hai hay việc luôn giữ khư khư trong tay bức ảnh kỉ niệm của người phụ nữ trong câu chuyện thứ ba bắt chợt nhận ra người mình đã từng yêu say đắm khi đã về già. Qua những câu chuyện về thời gian hư mà thực ấy, nhà văn Di Li đã mang lại cho chúng ta niềm tin về tình yêu chân chính mặc cho cuộc sống ngoài kia đầy giông bão, ganh đua, tranh giành. Dù cho thời gian có làm thay đổi đi tất cả nhưng tình yêu sẽ không bao giờ đổi thay.

Những con người hiện hữu trên mỗi trang văn của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đều mang một trạng thái khác nhau. Nhưng chúng ta có thể thấy rằng, họ đều là những người có khả năng chiêm nghiệm, nhận biết và lý giải về chính bản thân mình và những người xung quanh. Tuy nhiên, hầu hết nhân vật khi tự ý thức được thực tại của mình cũng là lúc họ ít có cơ hội để làm lại, mọi sự đã trở thành dĩ vãng. Cuối cùng chỉ còn lại những tiếc nuối và xót xa về quá khứ không vện nguyên.

2.2.2. Cô đơn và khát vọng đồng cảm

Trong truyện ngắn đương đại, việc thể hiện con người cô đơn không chỉ cho thấy sự đổi thay quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả mà cho đó là sự thể hiện một tâm thái của con người hiện nay, những con người sống và làm việc tại các thành phố hiện đại, họ bị chi phối bởi cuộc sống và hoàn cảnh. Nỗi cô đơn của con người muôn hình vạn trạng khi phải đối mặt với cuộc sống đô thị đã được thể hiện rõ trong sáng tác của các nhà văn nữ đương đại, đặc biệt là qua các tác phẩm của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li.

Nguyễn Thị Thu Huệ đã thể hiện nỗi cô đơn của nhân vật như nhân chìm trong chính cuộc sống hàng ngày mà họ phải đối mặt và họ không thể chia sẻ cùng ai, không có cách nào giải tỏa được: *“Tôi cô đơn quá rồi”, “Sao người mỗi ngày một đông như kiến mà tôi cô đơn thế này” (Mi Nu xinh đẹp)*. Đó còn là nỗi cô đơn của cả một thế hệ khi chứng kiến những giá trị tinh thần

của gia đình truyền thống đang dần mất đi trong xã hội hiện đại (**Cửa để dành**), cô đơn trước sự choáng ngợp của không gian đô thị: “*Đường phố rộng và thừa thãi gió, tuênh toang, trống trải lạ lùng*” (**Cát đọi**), là sự trống trải và đơn độc của con người trong thành phố khi chỉ có công việc bộn bề mà không có người thân bên cạnh (**Thành phố không mùa đông**). Nỗi cô đơn của những con người sống trong các tòa cao ốc, sống cách biệt nhau và thế giới xung quanh trong **Hoa nở trên trời** “*Vẫn khu vườn Găng ảm áp thơm tho hương các loài hoa thuở nào, sao mùa đông năm nay nhiều gió và nhạt thế... Đáng nhẽ tòa nhà cao tầng thì gió phải ít vì có nhà chắn hộ. Gió thật ra không nhiều nhưng chắc tại những khu nhà xám lạnh chọc lên trời, thiếu hẳn màu xanh mượt mát nên tất cả trở nên lạnh thế thôi.*” [21,tr.313]. Trong **Thành phố đi vắng** người đọc có thể cảm nhận rõ đô thị hiện nay “*Không còn sự lộn xộn của cuộc sống thị dân bao đời vẫn thế. Phố vốn dài, giờ thêm lạnh. Người vẫn đông, nhưng hết âm thanh, như những diễn viên phim câm*” [20,tr.730-731]. Con người sống cô đơn, lạc lõng ngay chính giữa cộng đồng và nó còn xuất hiện nhiều trong các truyện ngắn khác như: **Trong lúc ăn một bát phở gia truyền**, **Sống gửi thác về**... Có thể thấy đời sống đô thị với ý thức cá nhân là một phương diện được các cây bút nữ truyện ngắn đương đại hướng tới.

Một điều có thể nhận thấy, Thu Huệ đã khéo léo trong cách thể hiện trạng thái cô đơn và những khao khát được đồng cảm của những người phụ nữ hiện đại. Với cảm quan tinh tế nhạy bén, tư duy hướng nội đã giúp cho nhà văn diễn tả chân thật nỗi cô đơn của giới mình. Nỗi cô đơn giờ đây đã trở thành nỗi ám ảnh, truy đuổi số phận nhân vật nữ. Thấu cảm nỗi cô đơn của người phụ nữ như chính nỗi niềm của mình, chị đã phác họa ra những tình huống muôn mặt: ban ngày như chiếc bóng còn ban đêm mới là cuộc sống thực (**Người đi tìm giấc mơ**); nỗi cô đơn của người phụ nữ đã dư thừa vật chất mà thiếu vắng tình yêu thương (**Tân cảng**); cô đơn khi tìm mãi không

thấy bần đốn cho khát vọng tình yêu (*Cát bụi; Tình yêu ơi, ở đâu?*); cô đơn của người đàn bà chưa từng nếm trải vị ngọt l้น đắng cay của hạnh phúc làm vợ, làm mẹ (*Người đàn bà ám khói*)... Có thể thấy, nỗi cô đơn dần trở thành một trạng thái tâm lý hay gặp ở người phụ nữ trong xã hội hiện đại cùng với sự mất cảm bản năng, nỗi cô đơn ấy xuất hiện nhiều trong các sáng tác của Thu Huệ. Chị quan tâm đến số phận của người đàn bà luôn khát khao tìm một tổ ấm, một nơi để trú ngụ tinh thần mà cả cuộc đời không thấy vì những tuyệt vọng của quá khứ về tình yêu, về người bạn đời. Vì vậy, họ luôn phải sống đối mặt với sự cô đơn, trống trải, hiu quạnh của tâm hồn. Trong *Tình yêu ơi, ở đâu?* cô gái cứ mãi miết đi tìm tình yêu đích thực nhưng tình yêu nào đến. Mỗi tình đầu với anh chàng thi sỹ nghèo, làm thơ, nói phét và uống rượu mãi không chả tiền. Mỗi tình thứ hai là một chàng trai gia đình có điều kiện nhưng lại gia trưởng, vũ phu và thô thiển. Và rồi đến người đàn ông trưởng thành, đĩnh đạc thì lại góa vợ và có hai con. Nàng không hề đòi hỏi điều gì cao sang nhưng “*Tại sao đến giờ nàng vẫn cô đơn, khi mà nàng xinh đẹp, có học, không tật nguyền*” [21,tr.84]. Sau những lần thất bại trong tình yêu “*Nàng lại sống cô độc với một khối tâm tư của cô gái đang tuổi yêu đương mà không thể giã bày*” [21,tr.79] để rồi niềm khao khát tìm kiếm hạnh phúc trong tình yêu vẫn xa vời với cô.

Cùng thể hiện nỗi cô đơn của con người đô thị, Thu Huệ cho người đọc thấy rõ nỗi cô đơn trải khắp ở mọi đối tượng, đặc biệt là sự đơn độc của người phụ nữ như một nỗi ám ảnh, luôn bủa vây quanh cuộc sống của họ và chính họ cũng tự nhận thấy được sự cô đơn của mình. Còn đối với truyện ngắn của Di Li, nỗi cô đơn của con người đến chính họ cũng không biết là mình đang cô đơn. Di Li đã khéo léo mô tả nỗi cô đơn khi con người thiếu vắng tình cảm gia đình, tình cảm lứa đôi trong sáng tác của mình. Một ví dụ điển hình là cô gái Xiong My trong *Tháp Babel trên đỉnh ánh trăng* không nhận thức được là mình đang cô đơn. Đối với cô gái đáng yêu này, khái niệm cô đơn hoàn

toàn xa lạ, ngay cả lúc cô đang xem cái sự đơn độc của nhân vật trong phim. Cho đến khi chàng trai chiếu phim rời khỏi bản làng, Xiong My mới “*thấy nhói bên ngực trái*”. Lúc này, nỗi buồn thiếu vắng lan trải ra khắp buôn làng bản Mây xa xôi, cả nỗi nhớ cô đơn trong lòng Xiong My. Trong lòng cô luôn thường trực sẵn nỗi cô đơn mà cô không hề biết. Chỉ đến khi có sự tác động mạnh mẽ từ bên ngoài đã làm cho nỗi cô đơn tiềm ẩn có dịp trào ra và hiện hình rõ nét. Nỗi cô đơn của Xiong My không biết đang chờ đợi điều gì ở phía trước làm ta nhớ đến hình ảnh bé Liên trong *Hai đứa trẻ* của nhà văn Thạch Lam thừa nào.

Trong *Lời đề nghị đêm giáng sinh*, nỗi cô đơn ẩn sâu trong lòng gia đình khi thiếu vắng người bố. Hành động của Quyên thể hiện sự bối rối, lo lắng khi cố gắng tìm kiếm bất kì người đàn ông nào để làm ông già Noel cho đứa con nhỏ của mình chính là nỗi khao khát hơi ấm của người đàn ông trong nhà. Nhân vật đáng thương nhất là bé Chi, cô bé sáu tuổi ngây thơ, hồn nhiên vậy nhưng dường như có sự trưởng thành trước tuổi khi biết hoàn cảnh gia đình không như các đứa trẻ khác. Cô bé luôn sợ mẹ quên không đến trường đón, sợ mẹ không về nhà và sợ ông già tuyết quên mình. Sự thiếu vắng tình cảm, bơ vơ, đơn độc của hai mẹ con bé Chi lại được Di Li thể hiện theo một cách riêng biệt.

Độc giả còn nhận ra được một điều, cô đơn không chỉ xảy ra khi chúng ta ở một mình mà nó còn xuất hiện khi cả hai người đang đối diện với nhau. Nỗi cô đơn trong *Chiếc ấm nước đặt trên bếp ga* đã thể hiện rõ điều đó. Hai người cùng chung sống trong một ngôi nhà nhưng lại không hề hiểu nhau, không có tình cảm dành cho nhau mà chỉ là thứ trách nhiệm phải có. Câu chuyện khiến cho người đọc phải lo lắng, suy nghĩ về định nghĩa của một mái ấm hạnh phúc: hôn nhân không ấm cúng, cũng chẳng lạnh lẽo. Mẫu hình lý tưởng của cặp vợ chồng nhìn vẻ bề ngoài tưởng như hạnh phúc nhưng thực chất lại là sự gắn kết lỏng lẻo bên trong. Họ làm việc, làm tình, giao tiếp một

cách nhằm chán gợi cảm giác con người luôn đắm chìm trong nỗi cô đơn, bơ vơ ở ngay chính tổ ấm gia đình của mình.

Có thể thấy rằng, sự thay đổi về quan niệm nghệ thuật của các nhà văn trong việc thể hiện con người cô đơn cũng là việc thể hiện tâm thái của con người hiện nay, họ đang sống và chịu ảnh hưởng bởi cuộc sống đô thị. Ở đó, nỗi cô đơn có muôn hình vạn trạng mà con người phải đối mặt với thực tại. Đó có thể là nỗi cô đơn đến từ bản thể; con người lạc lõng trước những giá trị truyền thống đang dần bị đảo lộn bởi mô hình xã hội đổi thay; con người lạc thời không thể hội nhập. Hoặc đó là nỗi cô đơn bởi những nghịch cảnh diễn ra thường ngày. Việc thể hiện con người cô đơn trong truyện ngắn của mình chính là sự đổi mới về quan niệm sáng tác của các nhà văn. Bởi con người cô đơn chính là một dạng thức và tâm thái của con người đô thị hiện nay.

Một điều tưởng chừng như đơn giản nhưng không phải ai cũng có và biết nắm giữ, đó là hạnh phúc. Đặc biệt là trong cuộc sống đô thị hiện đại, con người còn quá nhiều tham vọng, xã hội vẫn chưa thôi khát khe với những khát khao, nhu cầu của họ. Với sự nhạy cảm trước thời cuộc, các nhà văn nữ đã viết về nỗi cô đơn của con người với những khao khát, mơ ước chân thực và đòi thường nhất. Những khát khao rất bình dị, những nhu cầu bản năng được thoát ra với những hành động vô thức, họ đã chứng tỏ cho một điều rằng khát khao về một cuộc sống hạnh phúc, tốt đẹp là vô tận. Qua những trang truyện ngắn của mình, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến số phận, hạnh phúc và quyền sống của con người, nhất là những phụ nữ trong cuộc sống hôm nay.

2.3. Những vấn đề sinh thái và văn hoá đô thị

2.3.1. Những vấn đề sinh thái đô thị

Cùng với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đang diễn ra một cách chóng mặt là những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên. Vì vậy, các

nhà văn nữ đương đại khi viết về cuộc sống đô thị, ngoài những mối quan tâm về cuộc sống của con người, ngoài những vấn đề của đời sống xã hội, ta thường gặp trong các sáng tác của họ đề cập đến những vấn đề sinh thái của đô thị ngày nay.

Bằng sự nhạy cảm và tinh tế của một con người luôn gắn mình với thời đại, Nguyễn Thị Thu Huệ đã đặt vào trong các tác phẩm của mình nhiều câu hỏi đối với những bất ổn trong bước chuyển mình của xã hội thời hậu chiến. Đó là thực trạng không gian xanh trong thành phố từng có trước đây đang nguy cơ mất dần đi thay vào đó là những công trình hiện đại “*Hà Nội bây giờ rồ lên phong trào xây khách sạn mini, văn phòng đại diện theo tiêu chuẩn quốc tế cho người nước ngoài thuê...*” (**Giai nhân**); vốn là một biểu tượng và là nơi gắn liền với bao kí ức của người Hà Nội làng trồng đào truyền thống cũng đang trở thành một đại công trường xây dựng (**Hoa nở trên trời**); những rừng cây bát ngát cũng dần mọc lên các khu đô thị (**Biển âm**). Các tòa nhà cao tầng đua nhau mọc lên cũng đồng nghĩa với việc những không gian xanh đang ngày càng bị thu hẹp: “*Đường Nghi Tàm không hoang sơ như xưa. Hai bên chỉ chít nhà cao tầng và khách sạn mi*” (**Hoàng hôn màu cỏ úa**). Là người sống gắn bó và thân thuộc với Hà Nội, Thu Huệ rất quan tâm đến đời sống của các loài cây trong thành phố nên mới có thể có được những phát hiện tinh tế. Sáng tác năm 1985, hình ảnh con đường Nghi Tàm trong **Còn lại một vầng trăng** vẫn đầy vẻ thơ mộng và hấp dẫn bởi các lời hoa bên đường: “*Mùa xuân. Hai bên đường Nghi Tàm, Quảng Bá, hoa su si, hoa cúc vàng nở đẹp như những thảm hoa muôn màu. Mùa hè. Hoa sấu rụng ti li trắng bên đường. Mùa thu. Hoa sữa thơm nồng mái phố.*” [21, tr.45].

Dưới sự tác động mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa và những hành vi thiếu ý thức của con người đến thiên nhiên đã làm cho trái đất nóng lên, biến đổi khí hậu khiến cho thiên nhiên ngày càng trở nên khắc nghiệt, ở giữa mùa đông nhưng cảm giác như đang mùa hè: “*Tháng 11 nhưng nắng vẫn vàng*

hoe...”(**Biển ám**); hay bão lũ, hạn hán ở khắp vùng miền của đất nước: “Lũ miền Bắc. Hạn miền Trung. Lụt miền Nam. Luôn là thừa chỗ nọ và thiếu chỗ kia chứ không bao giờ là đủ” (**Nào ta cùng lãng quên**). Rồi còn hiện tượng mưa đá không chỉ xảy ra ở miền núi mà ngay trong thành phố cũng xuất hiện: “Đến chiều, mây đen hiện ra, và sau những hạt mưa tròn bằng đồng xu dún trên đất là những viên đá. Rơi như nhà giời cầm thùng đá mà hắt xuống trần gian...những viên đá to, trắng lạnh rơi bồm bộp, vỡ kính xe ô tô, thùng cửa kính và tan nát hết tất cả đám lá cây...” (**Sóng gửi thác về**). Chúng ta có thể thấy rõ thực trạng cả trong hiện thực đời sống và sáng tác của Thu Huệ là sự phát triển của đô thị đã khiến cho không gian xanh ngày một bị thu hẹp, dẫn đến tình trạng mất cân bằng sinh thái làm cho khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Không ít lần trong các truyện ngắn của Thu Huệ, hình ảnh con sông Hồng được nhắc đến. Viết về những địa danh thân thuộc với người Hà Nội, chị không khỏi ngậm ngùi nuối tiếc về sự thay đổi theo thời gian trước tác động của tạo hóa và cuộc sống con người. Nếu như trước đây, hình ảnh sông Hồng vẫn đầy ắp kỉ niệm tuổi thơ với lũ trẻ: “*Cả bọn chúng tôi ra đê sông Hồng chơi... Mùa này hết hoa sấu và bắt đầu hoa sen. Sen đầu mùa ít hoa nhiều lá. Lá xanh và thơm âm ỉ. Cứ phải hít thật mạnh mới thấy hết cái nồng nàn*”(**Hoàng hôn màu cỏ úa**). Thì đến nay, cùng với sự nóng lên của trái đất là sự xâm lấn của con người làm cho dòng sông khi xưa dường như cũng đang bị thu hẹp lại: “*Sông Hồng không còn khoáng đạt như xưa vì vẻ hùng vĩ của cầu Thăng Long đang lấn lướt. Không còn những bờ đê cỏ mọc. Họ trồng hoa, quýt và các loại cây*”[21,tr.64]. Với tốc độ phát triển của quá trình đô thị hóa gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái, tài nguyên đất khai thác mạnh để xây dựng các khu đô thị, diện tích cây xanh và mặt nước cũng giảm nhanh chóng. Nhà văn không chỉ hướng đến việc thể hiện đời sống của con người trong môi trường của những đô thị hiện đại, bao gồm cả không

gian sinh tồn, bầu sinh quyển đô thị mà còn quan tâm đến những trạng thái của con người trong bối cảnh đó.

Cùng với những xung đột giữa con người với thế giới tự nhiên là khát vọng được hòa hợp, là sự tìm đến thiên nhiên như sự cứu rỗi trong tâm hồn mỗi người. Trong nhiều sáng tác của chị, người đọc vẫn bắt gặp những trang viết về vẻ đẹp của đô thị, về những không gian và cảnh quan đô thị. Các nhân vật vẫn luôn khát khao những khoảnh khắc được hòa mình với thiên nhiên, để tìm lại sự cân bằng trong cuộc sống. Xuất hiện rất nhiều trong sáng tác của chị là những biểu tượng sinh thái như: vườn, ánh trăng, biển... trong môi trường đô thị.

Xem xét biểu tượng *vườn* trong vấn đề sinh thái đô thị hiện nay, có thể thấy rằng, để có một khuôn viên vườn ở thành phố trước hết thể hiện sự giàu có bởi sự phát triển của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa cũng như sự gia tăng của mật độ dân số nên hiếm gia đình nào lại có khoảng trống như vậy. Tuy nhiên, khi tìm về thiên nhiên thì không gian vườn lại chính là nơi cứu rỗi, chõ che, bao bọc, để con người tìm sự giải thoát cho thực tại thiếu vắng, trống rỗng của họ. Đó là nơi để người đàn bà trong *Tân cảng* luôn hướng đến mỗi khi đơn độc trong chính căn nhà của mình. Dù cho cuộc sống có sung túc đến đâu nhưng điều mà phụ nữ cần vẫn là tình yêu thương của người chồng “*Ngày trước. Khi đêm xuống. Anh đi vắng. Chị nằm trên giường và nhìn qua cửa sổ. Khu vườn phủ một màu vàng rươi của những ngọn đèn đường như vườn cổ tích*” [21,tr.220]. Và trong những giây phút đau khổ nhất của cuộc đời, chị vẫn mong muốn sự níu kéo của người chồng nhưng rồi tất cả trở nên vô nghĩa. Vẫn chỉ có khu vườn kia là nơi để chị bầu vùi, để biết mình phải lựa chọn gì “*Chị ngồi bệt dưới thảm. Nhìn ra vườn*” [21,tr.218]. Nỗi đau đớn, tuyệt vọng của thằng anh cũng chính là sự im lặng rồi nó lại nhìn ra khu vườn. Tất cả con người trong căn nhà này đang bị nỗi đau đớn bủa vây và chỉ có khoảng vườn kia mới có thể cứu rỗi tâm hồn của những người chuẩn bị rời

xa khỏi nơi đây. Bên cạnh biểu tượng *vườn*, trong các truyện ngắn của Thu Huệ lặp đi lặp lại rất nhiều biểu tượng *trăng* và *biển*. Biểu tượng *trăng* không chỉ thể hiện sự lung linh, huyền ảo của thiên nhiên mà nó xuất hiện như một sự chứng giám cho tình yêu của người con gái trong ***Còn lại một vầng trăng***: “*Tôi biết mơ mộng từ ngày yêu anh. Biết nhớ mong, dõi hờn từ ngày có anh. Và đêm nay. Biết trăng đẹp vì đi bên anh*” [21,tr.38] và trong đêm trăng tưởng như là một “*đêm huyền diệu*” ấy lại chính nó chứng kiến mọi sự thật đến đau lòng về cái chết của người cha. *Trăng* còn là nơi che chở cho tâm hồn của con người “*Ánh trăng thanh khiết, bao dung như mẹ chớ che*” (***Cát đọi***). Còn *biển* lại chính là nơi vỗ về, âu yếm, là dịu đi những bộn bề, lo toan của cuộc sống bởi “*Biển muôn đời đáng yêu và dễ gần*” (***Biển ám***).

Dường như cái áp lực của chôn thị thành đông đúc, ngột ngạt đã khiến cho người ta thường trực một mong muốn tìm những nơi vắng vẻ riêng tư. Trong ***Hoa nở trên trời***, những góc nhỏ của khu chung cư vẫn còn có được cảm giác thanh bình của những con người luôn sống trong hoài niệm và đam mê: “*Cả khu chung cư này, cứ hờ hững nào có ánh sáng trời và nắng thiên nhiên là có những chậu Đào. Chưa hết, ông và các cụ khác ngày ngày cải tạo che chắn vườn treo Babilon tầng thượng thành một Vườn Đào*” [21,tr.314]. Cứ ngỡ trong không gian hỗn tạp của thành phố đang dần bị bê tông hóa ấy, vẫn còn những góc nhỏ của sự bình yên để cho ta hướng về: “*Giao thừa. Thay vì lẫn vào dòng người cuộn cuộn đổ về trung tâm giữa mặt xem pháo hoa. Tôi đến làng Đào xóm Găng. Dưới một nền trời tím ngắt sáng có một rừng Hoa nở trên trời*” [21,tr.316]. Đây đó vẫn còn những góc không gian thanh bình hiếm hoi trong thành phố, nơi để con người hoài niệm về quá khứ tươi đẹp. Thành phố vẫn còn có những giây phút rất đáng để chiêm ngưỡng hưởng thụ: “*Tháng năm. Những chùm phượng đỏ vít cong cành trên các ngõ phố. Không gian inh inh tiếng ve gọi cảm giác hồi hộp và sôi động. Nàng đứng dưới góc phố chờ chàng*” (***Tình yêu ơi, ở đâu?***). Vẫn còn đó

những phố phường Hà Nội êm đềm trong đêm: “*Hà Nội cuối đông. Đêm xuống mù sương, Tất cả như lấp ló sai một tấm voan mỏng che khuôn mặt xinh đẹp đã hóa trang kỹ của cô dâu chuẩn bị về nhà chồng*” (**Rượu cúc**) và những góc nhỏ của sự bình yên, trong không gian nồng nàn hương hoa sữa: “*Mùa thu. Hoa sữa thơm nồng mái phố*” (**Còn lại vàng trắng**).

Cảnh quan đô thị trong truyện ngắn của Di Li nổi bật lên là những khu chung cư với sự chật vật, thiếu vắng tình người. Trong **Người cùng chung cư** không gian sống ngột ngạt tưởng chừng như nhà tù: “*Những cầu thang tỏa lên các tầng với từng cặp hai hộ khép kín, âm u và bí bách. Những cánh cửa gỗ màu cánh gián giống hệt nhau, đóng im ỉm, đơn điệu đến phát điên... khoảng hành lang chật hẹp như chiếu nghỉ nhà tù. Khu nhà được xây dựng kiên cố và vững chãi như một pháo đài Roman*” [29,tr.15]

Cảnh quan đô thị mới trong tương lai qua cách viết xuyên thời gian của tác giả “*Những câu chuyện về thời gian*” nhất quyết không sửa thời gian theo yêu cầu của bên biên soạn: “*Nàng tìm đến địa chỉ nằm trên tầng 36 một khu chung cư hiện đại...ngôi lộng lẫy trong khu vườn nhân tạo ba bề là kính*” [31,tr.133], “*Mùa đông năm 2050, một Plaza 50 tầng mới khai trương với đầy đủ khu shopping, bar rượu, sòng bạc, sàn nhảy, spa, sân tennis và bể bơi*” [31,tr.136]. Những bi kịch, nỗi cô đơn của những cô gái, chàng trai đô thị đã diễn ra trong chính những không gian đô thị đậm đặc ấy – những không gian san sát nhà cửa, công trình, với cửa, với cầu thang, với kính, với tất cả sự chật chội và bí bách, với sự thiếu vắng của hình ảnh thiên nhiên. Dù người kể chuyện không trực tiếp bày tỏ, nhân vật không trực tiếp lên tiếng, nhưng bản thân những tình huống, những câu chuyện đã phản ánh một hệ sinh thái đô thị đương đại ngột ngạt, xa cách với thiên nhiên đang như một thứ lưới bủa vây lấy con người đô thị, khiến cho các nhân vật không tìm được điểm tựa và sự cân bằng từ thiên nhiên, và cứ chấp chới, lún sâu trong những vấn đề của cá nhân, của xã hội.

2.3.2. *Lối sống đô thị và sự ảnh hưởng tới văn hoá truyền thống*

Với chính sách mở cửa hội nhập quốc tế và mặt trái của nền kinh tế thị trường đã dần hình thành lối sống đô thị và làm mai một đi những nét văn hóa truyền thống xưa của người dân thành thị. Không còn nét đẹp tinh tế, thanh lịch như trước, thay vào đó là lối sống học đòi, bắt chước lối sống nước ngoài, con người đô thị đang cố gắng thoát khỏi mình để chạy theo lối sống phương Tây. Không còn sự bao dung, đôn hậu mà là xu hướng đề cao cái tôi, đặt lợi ích của bản thân lên trước và coi trọng vật chất hơn tình cảm. Ngày càng xuất hiện lối sống cá nhân, thực dụng luôn coi trọng đồng tiền và không ít người đã vì nó mà bất chấp cả những người thân yêu nhất của mình. Chính những tác động tiêu cực đó đã được các nữ nhà văn đương đại cũng như Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li phản ánh thông qua các tác phẩm của mình. Đặc biệt, Thu Huệ và Di Li đã đi sâu vào khai thác lối sống đô thị với xu hướng vọng ngoại dẫn đến những rạn nứt của gia đình truyền thống và những xung đột thế hệ làm đảo lộn tới nét văn hóa truyền thống lâu đời của con người thành thị xưa.

Mặt trái thời kinh tế thị trường cùng với tác động mạnh mẽ của văn hóa ngoại lai đã tác động và làm thay đổi mạnh mẽ lối sống của con người Việt Nam. Nguyễn Thị Thu Huệ đã đề cập đến hạnh phúc gia đình thời hội nhập, con người có xu hướng sống đề cao cái tôi cá nhân đẩy mái ấm gia đình của mình đến bờ vực đổ vỡ. Sự rạn nứt trong hôn nhân cùng lối sống đối trá của người lớn đã đẩy bao đứa trẻ mới lớn vào sự lạc loài, cô độc, thậm chí là bị kịch khi sống giữa cha mẹ. Người con trong *Phù thủy* luôn cảm thấy mình cô độc khi sống trong gia đình mình. Hàng ngày, nó phải chứng kiến những “đổ vỡ” của bố mẹ và cả những “trò phù thủy” của người lớn cứ đập vào mắt hàng đêm. Nó hoang mang trong những suy nghĩ, sợ hãi trong những giấc mơ mà không dám chia sẻ với ai. Hạnh phúc gia đình thời mở cửa vốn mong manh, những đổ vỡ trong hôn nhân và thái độ của người lớn đã tác động ghê ghớm đến tâm hồn con trẻ.

Thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước đã giúp cho con người, đặc biệt là người dân thành thị có điều kiện xuất ngoại để học tập, làm việc, công tác. Tư tưởng vọng ngoại đã trở thành một trào lưu, là một khát vọng cháy bỏng của con người đô thị. Lối sống tự do, phóng khoáng hiện nay cũng bắt nguồn từ ảnh hưởng của lối sống phương Tây. Mặt trái của tư tưởng này là tư tưởng sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội, làm suy đồi đạo đức truyền thống. Mà biểu hiện rõ nhất của lối sống này là ở cách nghĩ và hành động lệch lạc, dễ dãi trong tình yêu, tình dục của con người. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến nạn ngoại tình, tan làm tan nát hạnh phúc gia đình, làm đảo lộn mọi giá trị đạo đức truyền thống. Người mẹ trong ***Hậu thiên đường*** tiêu biểu cho lối sống buông thả. Trước thất bại của hôn nhân, người mẹ đã vô tình đẩy đứa con gái đi vào chính vết xe đổ của mình. Hậu thiên đường của người mẹ lại bắt đầu là thiên đường của con. Vì sự nông nổi thỏa mãn nhu cầu bản năng, người mẹ đã phải trả giá cho những sai lầm của mình. Để khi nhận ra thì đã là quá muộn, người mẹ trở nên điên dại và tìm đến cái chết bỏ lại đứa con gái một mình đối mặt với những ngày tháng “hậu thiên đường” đang đến rất gần. Câu chuyện như tiếng chuông cảnh tỉnh cho những bậc cha mẹ hãy biết sống và có trách nhiệm với những đứa con mà mình sinh ra. Biết vươn lên những sai lầm, những nỗi đau, để làm chủ bản thân trong cuộc sống. Khi cuộc sống vật chất đầy đủ hơn con người dễ bị cám dỗ bởi những thói hư, tật xấu. Nhân vật người cha trong ***Cửa Cha, của Con những cánh vạn niên thanh*** đã rơi vào tình cảnh như thế đẩy cả cả gia đình vào tấn bi kịch của cuộc đời. Cuộc sống gia đình đang êm ấm, đủ đầy bên một người vợ thành đạt và đứa con gái đáng yêu. Nhưng chỉ vì những thú vui xác thịt người cha đã phản bội lại người đã cùng mình bao năm vượt khó gây dựng cơ đồ để rồi phải nhận kết cục đắng cay. Mất tất cả, gia đình tan vỡ, người cha tiếp tục lao vào cuộc sống mưu sinh mà quên mất người con gái đang tuổi mới lớn và rồi nó trở thành miếng mồi béo bở cho lão hàng xóm.

Hôn nhân tan vỡ và người chịu đau khổ nhất vẫn là những đứa con. **Hậu thiên đường** hay **Của Cha, của Con những cảnh vạn niên thanh...** là lời cảnh tỉnh cho những ai đang theo đuổi lối sống buông thả, dễ dãi mà không biết coi trọng hạnh phúc gia đình. Bài học cho chúng ta biết cách quan tâm, giữ gìn tổ ấm, định hướng và giáo dục cho con cái tuổi mới lớn.

Cũng đề cập đến lối sống của con người đô thị, Di Li bàn khá rộng, khá sâu vào những vấn đề rất mới của xã hội hiện đại. Đó là lối sống của giới trẻ hiện nay đang sống lệch chuẩn, họ bỏ qua đạo lý truyền thống đã đành, bỏ qua cả sự quan tâm của cha mẹ. Chẳng hạn như Vi trong **Những người trẻ trong thành phố**, hoặc Mỏ Neo trong **Người cùng chung cư**, họ đều được đi học từ nước ngoài về, được tiếp cận từ những nền văn hóa tiên tiến nhưng nếu gia đình quan tâm một cách đúng mức, không chiều chuộng “tôn trọng tự do” quá mức của con cái thì đâu để con cái có lối sống hiện đại một cách lệch lạc và khác thường như vậy.

Một vấn đề khá thú vị là Di Li đã đưa ra những mặt trái của thời đại công nghệ tiên tiến tác động đến đời sống con người. Không chỉ những đứa trẻ suốt ngày cày game mà đến cả người lớn cũng vì mấy trò chơi trên mạng làm mù mị cả người. Nhân vật Biên trong **Đồ một sách**, ngoài công việc làm kế toán, hết giờ hành chính, anh ta còn lên mạng chơi game suốt đêm, chát với cái nick lạ Cheocheo – một nữ chiến binh xinh đẹp. Kết quả là sự mê muội, không kiểm soát được bản thân thậm chí còn nhảm lẫn hết tất cả mọi thứ. Cuộc sống của Biên bị đảo lộn, con đường từ công ty về nhà cũng bị nhảm lẫn, đến công tay thì nhảm tàng, số điện thoại cũng nhảm sang số ảo trên game. Cũng vì vậy, trong **Tin nhắn**, người phụ nữ vô tình biết được chồng mình không chung thủy qua một phương tiện hiện đại - điện thoại di động khi vô tình đọc được tin nhắn lạ đã gửi đến máy của anh chồng.

Di Li còn tiếp tục đề cập đến những vấn đề khác thông qua lối viết hài hước như: **Buổi chữa bệnh**, **Mối tình khoai tây**, **Pizza chiều thứ sáu**. Qua

những truyện này, người đọc có thể nhận thấy vấn đề tác giả đặt ra lại rất cần thiết cho cuộc sống thường ngày của mỗi người. Trong tình yêu cũng như cuộc sống vợ chồng, không phải lúc nào cũng như mong muốn, cũng lãng mạn như thưở đầu mà chúng ta phải tự điều chỉnh nó sao cho phù hợp. Câu chuyện trong ***Phụ nữ không chung thủy*** đã cho người đọc một sự bất ngờ. Người kể câu chuyện hùng hồn nói “*phụ nữ không chung thủy*” như một mệnh đề triết học. Nhưng đọc xong câu chuyện, hóa ra đàn ông cũng không ngoại lệ.

Qua các tác phẩm của hai nữ nhà văn Thu Huệ và Di Li ta có thể thấy rằng, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập là xu thế tất yếu trong sự phát triển của mỗi quốc gia. Việc tiếp thu lối sống phương Tây bên cạnh những mặt tích cực như thay đổi lối sống cam chịu, khép kín, phụ thuộc vốn có từ lâu của người Việt Nam sang một lối sống cởi mở, năng động, tự lập, phù hợp với xu thế của thời đại. Nhưng vì con người tiếp thu lối sống đó một cách thiếu định hướng, cùng tư tưởng sùng ngoại thái quá (tiếp thu cả mặt tiêu cực của nó) dẫn đến những giá trị mới không phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, làm đảo lộn những giá trị truyền thống là một trong những nguyên nhân làm con người trở nên lạc lõng, vô định và bị tha hóa trong đời sống.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN ĐỀ TÀI ĐÔ THỊ TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN THỊ THU HUỆ, DI LI

3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện

Khi bàn về truyện ngắn, nhà văn Nguyên Ngọc đã đặc biệt chú ý đến vấn đề tình huống: “*Truyện ngắn dẫu sao cũng phải ngắn, do đó thủ thuật chủ yếu của truyện ngắn là thủ thuật điểm huyết [...] Truyện ngắn điểm huyết hiện thực bằng cách nắm bắt trúng những tình huống cho phép phơi bày cái chủ yếu nhưng lại bị che dấu trong muôn mặt cuộc sống hàng ngày*”. [59; tr.327]. Có thể nhận thấy rằng, tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc thể hiện cấu trúc, làm cho cuộc sống hiện lên chân thực nhất, đồng thời bày tỏ tư tưởng của tác giả một cách rõ nét nhất. Nổi bật lên trong các sáng tác viết về đề tài đô thị của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li là nghệ thuật xây dựng tình huống tiêu biểu cho đời sống đô thị và tình huống mang bản sắc phái tính.

3.1.1. Tình huống tiêu biểu cho đời sống đô thị

Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy, sức hấp dẫn riêng biệt cho các truyện ngắn viết về đề tài đô thị của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li chính là những tình huống truyện tiêu biểu cho đời sống đô thị.

Tình huống người mẹ ngoại tình với người đàn ông ngoại quốc dẫn đến cuộc chia cách giữa các thành viên trong gia đình trong truyện *Tân cảng* của Nguyễn Thị Thu Huệ khiến cho người đọc không thể kìm nén được cảm xúc khi diễn ra cuộc chia tay đầy sự nuối tiếc và bịn rịn của hai người con trai. Do người chồng mãi mê với công việc, người vợ cần sự yêu thương của người đàn ông nên sau chuyến đi công tác, chị đã đến với người mà chị cảm thấy được hạnh phúc. Hai người con trai nhỏ đã phải chịu sự xa cách của cuộc tan vỡ trong hôn nhân này, chúng vẫn còn thương yêu nhau như ngày nào nhưng rồi mỗi anh em một phương trời xa xôi. Nhà văn đã cho người đọc thấy được những nỗi đau mà từng nhân vật phải trải qua và đặc biệt là sự đồng cảm cho những đau khổ mà người con phải chấp nhận khi chúng không có quyền lựa

chọn. Bên cạnh đó, trong tác phẩm *Của Cha, của Con những cành vạn niên thanh*, Thu Huệ lại đưa ra những hệ quả mà sự đổ vỡ hôn nhân đem lại. Câu chuyện xoay quanh cuộc sống của Cha và Con gái khi họ thay đổi nơi ở. Họ phải chuyển tới nơi ở mới, từ một căn hộ rộng rãi, đầy đủ tiện nghi thì giờ đây họ sống trong căn nhà chật hẹp có chung khoảng sân với nhà hàng xóm. Do người Cha đã ngoại tình trong lúc sự nghiệp đang lên, rồi họ mất hết vì cô người tình đó, người mẹ đã không thể tha thứ cho Cha nên đã rời xa Cha và Con gái. Cuộc sống mới, nơi ở mới chỉ có Cha và Con gái đã xảy ra những khó khăn về vật chất lẫn tinh thần. Người Cha thì mãi miết với công việc chạy xe ôm để lo cuộc sống cho người Con gái nhưng vì cô đơn, vì thiếu đi sự quan tâm, sự yêu thương, chăm sóc của người mẹ nên Con gái đã bước vào đời sớm với chính người hàng xóm mà hàng đêm cô vẫn thoi thóp chứng kiến cuộc sống của anh ta. Rồi cuộc đời của Con gái sẽ ra sao khi tình huống bất ngờ xảy ra, người Cha bị thương nặng. Nguồn sống của Con gái chính là Cha mà bây giờ Cha lại bị liệt và nếu như Cha biết sự thật của Con gái mình với người hàng xóm kia thì họ sẽ ra sao?

Nếu như Thu Huệ chủ yếu khai thác cuộc sống đô thị từ những bi kịch trong hôn nhân thì Di Li lại có cái nhìn mới mẻ về những mơ tưởng của con người về tình yêu. Ta có thể nhận thấy rõ điều này qua: *Buổi chữa bệnh, Đồ một sách, Pizza chiều thứ sáu...* của Di Li. Từ một câu chuyện tình đẹp của đôi sinh viên khi họ muốn sống thử để tận hưởng những ngày tháng ngọt ngào. Tuy nhiên, cuộc sống không giống như giấc mộng. Chàng mơ ước về một người vợ xinh đẹp, đảm đang với những bữa ăn ấm cúng nhưng không như mong đợi khi khiêu nấu ăn của nàng và lịch học của họ đối lập nhau. Chính vì vậy, bánh pizza – món ăn nhanh với đủ chiều thức khuyến mãi (trừ thứ sáu) của các cửa hàng đã trở thành ẩm thực chính hàng ngày. Chẳng bao lâu, món pizza đã trở thành nỗi khiếp sợ và chàng lại bắt đầu thèm ước về những ngày thứ sáu bữa ăn không phải là pizza mà là “*cơm làm từ gạo*” với

đồ ăn mẹ nấu, còn nàng vẫn tiếp tục tôn thờ món ăn nhanh khoái khẩu đó. Và rồi giấc mộng về căn nhà nhỏ đầy ấp yêu thương với mỗi tình pizza đã kết thúc bởi chính hai phiếu khuyến mãi ăn pizza khi nàng phủ định mối quan hệ của hai người. Cuối cùng, chàng đã thoát khỏi những chiếc pizza ngán ngẩm ấy để trở về “*với những đĩa cá quả chiên vàng ruộm, bát canh rau muống dầm sấu chua tê đầu lưỡi, liễn thịt kho dứa thơm ngậy, và những quả cà pháo giòn tan*” [31,tr.72] trong căn bếp ấm cúng của mẹ.

Chẳng phải mỗi tình sinh viên mơ mộng, câu chuyện của hai vợ chồng trong ***Buổi chữa bệnh*** bắt đầu từ tình huống cả hai đến gặp giáo sư chuyên khoa tâm thần học nổi tiếng với tay nghề cao nhất thành phố - bác sĩ Cao. Họ sống với nhau mà không hiểu nhau, mỗi người lại có những suy nghĩ và “ảo tưởng” riêng của mình. Rồi họ tự cho rằng đối phương đang bị mắc bệnh “đa nhân cách” hoặc “tự kỷ” mà không hề biết rằng chính cả hai đều có vấn đề. Với phương pháp chữa bệnh bằng “*loại máy tính công nghệ siêu việt nhất với các thiết bị tạo không gian ảo giác*” [31,tr.162] của bác sĩ Cao đã khiến cho họ thức tỉnh được căn bệnh mình đang mắc phải. Đó chính là những ảo mộng, sự thi vị hóa về cuộc sống hôn nhân quá mức đã dẫn đến cú sốc lớn ở đời thực. Với những tình huống truyện tưởng chừng khác lạ ấy nhưng là vấn đề rất dễ bắt gặp trong đời sống đô thị hiện đại, nhà văn Di Li rất thông minh khi xây dựng những tình huống tiêu biểu đó nhằm tạo nên sự hài hước, hóm hỉnh trong truyện ngắn của mình.

3.1.2. Tình huống mang bản sắc phái tính

Với tình huống này, nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ đã đặt nhân vật vào một tình huống đầy bất ngờ, nghịch lý để từ đó nhân vật hiểu ra, vỡ lẽ ra và nhận thức được những vấn đề mà trước đó họ hiểu chưa đầy đủ hoặc chưa hiểu hay thậm chí đã ngộ nhận về nó. Đó là tình huống trong truyện ngắn **Hậu thiên đường**, người mẹ đã bất chợt nhận ra rằng “*tuổi già sầm sập chạy đuổi sau lưng*” và “*chợt thấy tại sao lâu nay mình đã để tuổi thơ của con trôi*

qua trong nỗi buồn của sự cô đơn và hứng chịu nỗi cay đắng của một người đàn bà bị phụ bạc” [21,tr.46] trong dịp sinh nhật con gái tròn mười sáu tuổi. Và người mẹ càng bất ngờ hơn nữa khi nhận ra con mình đã trở thành một thiếu nữ, biết yêu, biết mơ mộng như chính mình của mười sáu năm trước khi đọc được nhật kí của con gái. Người mẹ đã phát hiện sự thật về con gái khi con bé yêu một người đàn ông đã có vợ có con lại keo kiệt, bòn rút con gái mình và nó còn hạnh phúc về cái “*thiên đường*” mà nó đang mơ tưởng đến. Những đau xót, day dứt của người phụ nữ từng trải được Thu Huệ bộc lộ rõ qua tình huống mà người mẹ nhận ra tình thế hiện tại của chính mình và hậu quả do chính người con gái phải hứng chịu.

Nếu như người phụ nữ thiếu đi tình yêu thương từ một người chồng, họ sẽ mong muốn tìm kiếm đến bến đỗ của sự quan tâm, yêu chiều. Nhưng Lan trong truyện ngắn ***Một nửa cuộc đời*** lại ngoại tình vì tính ích kỉ cá nhân của mình. Tình huống truyện xảy ra khi Lan cùng người tình là Thắng có chuyến đi nghỉ mát trốn gia đình riêng của họ để hẹn hò. Họ đều có vợ, có chồng và những đứa con nhưng vì những ham muốn riêng của bản thân mà phản bội lại gia đình mình. Nhưng hạnh phúc không đến được lâu dài với Lan khi Thắng vẫn còn yêu gia đình của anh ta và không muốn rời xa họ. Thắng chỉ coi Lan là người tình. Mặc cho Lan có yêu Thắng thật lòng nhưng Thắng vẫn chọn gia đình nhỏ của mình và từ chối Lan thẳng thừng khi Lan có ý định muốn ở bên Thắng. Sau chuyến đi nghỉ mát đó, họ lại trở về với gia đình của mình nhưng Lan thì vẫn đau buồn về cuộc sống của mình dù cho chồng Lan vẫn yêu thương vợ con hết mực.

Truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ thể hiện rõ nét qua những tình huống mang tính thức tỉnh của những người phụ nữ vốn đã trải đời, họ đều có mong muốn khát khao hạnh phúc cá nhân mà lẩn trốn đi hiện thực để rồi khi rơi vào trạng thái lãng quên chỉ cần một tình huống bất ngờ làm cho họ thức tỉnh nhận ra giá trị đích thực của cuộc đời. Những điều đó cũng xuất phát từ

những biến đổi của xã hội hiện đại tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm của con người. Điều này cũng được nữ nhà văn Di Li khai thác qua các tác phẩm: *Chiếc ấm nước đặt trên bếp ga, Ám*,... đi sâu vào cuộc sống gia đình của những cuộc hôn nhân không bền. Đó là cuộc sống nhạt nhẽo, vô vị với những thói quen hàng ngày mà chính họ tạo dựng của cặp vợ chồng công chức (*Chiếc ấm nước đặt trên bếp ga*) hay sự giàu sang, sung túc của gia đình nữ bác sĩ (*Ám*), họ đều có điểm chung là đánh mất dư vị lãng mạn và say đắm như thuở đầu yêu đương. Để có được cuộc sống hạnh phúc, gắn bó thì con người phải biết hi sinh, đồng cảm và thấu hiểu, biết chấp nhận và dung hòa với nhau, nếu không thì mái ấm đó sẽ trở thành địa ngục. Vấn đề ngoại hình không phải là mới mẻ vì từ trước đến nay đã có rất nhiều nhà văn viết. Nhưng đến với tác phẩm *Ám*, Di Li đã khiến cho người đọc phải tò mò bởi lối viết rất tự nhiên. Câu chuyện xoay quanh nhân vật nữ bác sĩ với những đau khổ, dằn vặt bản thân mình khi biết chồng ngoại tình. Phải chăng cùng giới, Di Li như thấu cảm được nỗi đau khi khai thác sâu tâm lý phụ nữ. Việc đầu tiên khi biết mình bị “cắm sừng” đó là nhìn lại chính bản thân mình. Người phụ nữ đã chột nhìn lại nhan sắc của mình mà lâu nay bỏ quên nó. Nhà văn đã thành công khi miêu tả khá chi tiết nguyên nhân, hậu quả của việc ngoại tình suốt ba năm của người chồng cũng như những việc làm ghê rợn của người vợ. Cuối cùng, dù cho cuộc hôn nhân của họ được hàn gắn lại khi người tình của chồng chết thì họ vẫn tiếp tục chuỗi ngày cô đơn, đau khổ đằng đẵng như sống trong tù ngục. Họ chấp nhận sống như những sinh thể vô tri vô giác trong căn biệt thự xa hoa tới 13 căn phòng mà không hề có sự yêu thương.

Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã từng nói tình huống truyện như một lát cắt trên thân cây để từ đó ta thấy được cả đời thảo mộc. Thật vậy, tình huống truyện không chỉ là yếu tố thúc đẩy cốt truyện phát triển mà như ta đã thấy nó còn như là “*chất xúc tác*”, là thứ nước rửa ảnh để từ đó nhà văn tái hiện rõ hơn tính cách, bản chất của từng nhân vật. Qua đó những tình huống trên,

chúng ta phần nào thấy được bức tranh khái quát về cuộc sống gia đình thời hiện đại mà nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li muốn trình bày về con người trong đời sống hiện nay.

3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

3.2.1. Xây dựng chân dung, ngoại hình nhân vật đô thị

Nếu văn học giai đoạn trước năm 1975, miêu tả ngoại hình nhân vật là một biện pháp nghệ thuật quan trọng trong quá trình xây dựng nhân vật, thì đến giai đoạn sau đổi mới các nhà văn tuy không chú tâm đi vào khai thác sâu các chi tiết về ngoại hình mà tập trung vào diễn tả sự phát triển của tâm lý nhân vật. Tuy nhiên, trong sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li, người đọc vẫn thấy sự xuất hiện của nhân vật đô thị qua những nét chấm phá diễn tả chân dung, ngoại hình để tạo nên nét sinh động và tô đậm tính cách nhân vật bởi “*ngoại hình nhân vật được thể hiện sinh động sẽ góp phần bộc lộ tính cách nhân vật, đặc biệt nó có tác dụng khá rõ trong việc cá biệt hóa nhân vật*” [13, tr.134]. Mô tả ngoại hình nhân vật đô thị có thể được các nhà văn nữ đương đại thể hiện cái nhìn trực tiếp hoặc gián tiếp qua người kể hoặc qua cái nhìn của một nhân vật khác với mục đích khắc họa tâm trạng của nhân vật.

Miêu tả ngoại hình nhân vật chính là vẽ lên dáng vẻ bên ngoài, đó có thể là dung mạo, trang phục, tác phong... của con người. Và để gây ấn tượng với độc giả, Nguyễn Thị Thu Huệ đã chú ý đến việc miêu tả ngoại hình. Chỉ bằng vài nét bút thoáng qua nhưng chị đã khắc họa chân dung các nhân vật một cách rõ nét nhằm thấy rõ tính cách con người đô thị hiện nay. Dân gian ta có câu “*Nhìn mặt mà bắt hình dong*”, có lẽ nhà văn đã rất tâm đắc với lời dạy đó mà hứng thú trong việc phác họa lại hình ảnh các khuôn mặt. Đọc ***Phù thủy***, ta dễ dàng bắt gặp những khuôn mặt khác nhau của người mẹ lúc thì “*khuôn mặt bà phờ phạc, đôi môi khô nứt*” [21, tr.437] khi vừa cãi nhau với chồng, lúc thì “*bình sáng*” rồi lại “*trợn mắt*” thể hiện thái độ tức giận với người con gái. Nhưng khuôn mặt của người mẹ lại nhanh chóng thay đổi, từ

sự bực tức ban ngày mà thay vào đó là khuôn mặt “*bình thản*” vào mỗi đêm khi mẹ nằm bên cạnh bố. Lúc này, người mẹ trong cái nhìn của con gái mình như là một cụ “phù thủy” có thể làm phép biến hóa thành nhiều “hình thù” và mỗi một tính cách thể hiện ở một trạng thái khuôn mặt khác nhau. Điều đáng chú ý trong việc xây dựng ngoại hình nhân vật đô thị, Thu Huệ đặc biệt quan tâm đến vẻ đẹp cơ thể của người phụ nữ. Với thiên tính nữ của mình, Thu Huệ và Di Li cũng như những nhà văn nữ khác đã khắc họa những nét đẹp hết sức tinh tế. Đó là vẻ đẹp của những cô gái mới lớn toát lên vẻ trong trắng, ngây thơ khiến cho những dục cảm trỗi dậy. Phụng trong *Sơ ri đấng* “*cổ em cao và thanh, những ngón tay bé xíu, da mỏng trong suốt nổi những đường gân mờ... Cặp đùi nhỏ và tròn, vươn dài ra... Kẻ thèm khát dục vọng thì thấy ở em sự đam mê cuồng dại... Kẻ đi tìm hình mẫu lý tưởng, một cái hồn để gửi gắm cũng thấy nơi em chỗ mình phải đến*”[21,tr.72] hay My trong *Thiếu phụ chưa chồng* “*vẻ đẹp của cô gái thôn quê khỏe mạnh đang tuổi dậy thì...Người My thấp, chắc lẳn...Ngực to hông nở. Bà Ngai bên hàng xóm bảo My có bộ ngực và cái hông giết đàn ông...*” [21,tr.239]. Nếu như những cô gái ở độ tuổi dậy thì mang vẻ đẹp của sự “căng tràn” sức sống thì những người phụ nữ như Nàng lại có nét “mỡ màng” của độ xuân xanh “*da mặt căng và mỏng, mát lành*” (*X-Men có mùi trường đua*), cô gái có số phận nghiệt ngã chợt nhận ra “*Khuôn mặt bầu bĩnh ra hơn, hai má ửng hồng. Hai bầu vú thấy lầy, núm vú hồng sưng cứng lên*”(*Người đi tìm giấc mơ*), người mẹ “*da thịt mát lạnh, thơm tho của sự đầy đủ, nhàn hạ dần đang cần sự yêu chiều ve vuốt*” (*Tân cảng*) hay nhân vật “tôi” có “*cái bụng béo và mát...mông béo cũng mát lại tròn*”(*Rồi cũng tới nơi thôi*).

Với ngòi bút tinh tế, Di Li đã làm nổi bật lên những vẻ đẹp yêu kiều, nên nã: “*Nàng là một mỹ nhân châu Á điển hình có nước da mịn màu sáp ong, đôi môi đầy đặn, mắt đen ướt nước và thân hình nhỏ nhắn tròn lẳn trong chiếc váy vai trần đỏ rực*” (*Hai người trên đảo hoang*), “*Gáy nàng trắng*

ngần dưới búi tóc, cánh tay nàng thon dài nõn nà..., đôi môi hồng xinh xắn chúm lại..., chiếc váy ngắn khẽ lay động... trên cặp đùi trần thanh mảnh” (**Pizza chiều thứ 6**), “khuôn mặt cân đối đến tuyệt mỹ, phong thái đoan trang chuẩn mực... chiếc cổ yêu kiều, lưng uốn thẳng và đôi bàn tay thon dài...” (**Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường**), “Mimi hát mái tóc một cách quyến rũ để lộ cái cổ cao trắng ngần mà bất kỳ dáng mày râu nào cũng đều muốn đặt lên đó một nụ hôn... Chiếc váy hồng mỏng manh bó sát vào thân hình có dáng chiếc đồng hồ cát” (**Buổi chữa bệnh**). Bên cạnh việc miêu tả những vẻ đẹp ấy, Thu Huệ và Di Li còn thể hiện khao khát của những người phụ nữ về nhu cầu đầy bản năng của giới. Qua đó, độc giả cũng thấy được vẻ đẹp toàn diện của người phụ nữ hiện đại đầy quyến rũ mà tạo hóa ban tặng.

Với lối viết hóm hỉnh, Di Li còn ví vẻ đẹp từng nhân vật gắn với nhu cầu ẩm thực của họ: “khuôn mặt nàng tròn trịa như một chiếc pizza” (**Pizza chiều thứ 6**) “nàng có hình dáng giống hết một củ khoai tây, nhưng không kém phần hấp dẫn” (**Mối tình khoai tây**). Đặc biệt, Di Li luôn trân quý những vẻ đẹp truyền thống, quý phái như mẹ của Mỏ Neo “Bà là một phụ nữ sang trọng, dịu dàng nhưng nghiêm khắc. Nước da trắng mỏng, sống mũi thanh tú và chiếc cổ cao kiêu kỳ đủ nói lên tướng mạo của một đại phu nhân” (**Người cùng chung cư**), cô Thúy “tóc cắt kiểu bumbê ôm lấy khuôn mặt thon gọn, hợp với sống mũi thanh tú và làn da mỏng manh. Dáng người cô tròn lẳn” nhưng cô lại có “cái mắt ướt rượt, phá tướng...” (**Cái ghế**), vẻ đẹp cô gái trẻ được ví như ngôi nhà Pháp cổ của mình “sang trọng, lịch lãm, cổ xưa và có một vẻ quyến rũ bí hiểm” (**Điệu Valse địa ngục**).

Việc miêu tả ngoại hình một cách chi tiết nhưng có chọn lọc, hai nữ nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã mang đến cho nhân vật của mình những ấn tượng riêng biệt của con người đô thị thời hiện đại. Đặc biệt là vẻ đẹp “mon mơn” của những cô gái tuổi mới lớn cũng tạo nên sự sinh động rõ nét. Bằng sự quan sát tinh tế, tỉ mỉ của mình trước những biểu hiện khác nhau

trong cuộc sống, các nữ nhà văn đã coi con người là sáng tạo nghệ thuật, là dấu hiệu của nhận thức cần khám phá.

3.2.2. *Khắc họa tâm lý nhân vật đô thị*

Trong nghệ thuật miêu tả và xây dựng nhân vật, mỗi kiểu nhân vật đều có những cách thức biểu hiện riêng. Đi sâu vào khám phá thế giới tâm lý nhân vật, truyện ngắn thời kì đổi mới đã phát hiện ra những bí ẩn trong tâm hồn mỗi con người. Không chỉ miêu tả nhân vật qua những hành động, nhà văn còn tái hiện qua những trạng thái và quá trình tâm lý vốn đa dạng của con người. Thế giới tâm lý nhân vật chính là phương tiện để tác giả khái quát, bày tỏ một vấn đề xã hội nào đó mà nó đã trở thành đối tượng, mục đích trong sáng tác văn học. Với sự nhạy cảm của người phụ nữ cùng với tài năng, sự trải nghiệm của mình, hai nữ nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã xoáy sâu vào việc khắc họa đời sống tâm lý của nhân vật đô thị để độc giả cùng chia sẻ và cảm thông cho những số phận đó trước sự biến đổi đến chóng mặt của đời sống đô thị hiện đại.

Đọc truyện *Tân cảng*, người đọc vừa thấy đáng trách vừa thấy đáng thương cho người mẹ chỉ vì những nỗi niềm riêng không có ai để thấu hiểu nên đã dẫn đến kết thúc đau buồn. Chị đã có một thời gian dài đau khổ mới quyết định ly hôn chồng để tìm đến một bến đỗ mới. Trước hôm chị sang Pháp định cư với người chồng mới, trở lại căn nhà đã từng thân thuộc, chị đau xót khi thấy thằng con trai nhỏ. Sự ngây thơ, hồn nhiên của nó càng làm cho chị đau lòng. Những cái “*rùng mình*” đau nhói trái tim, chị chỉ biết im lặng và “*cúi lau nước mắt*” cùng những tiếng “*thở dài*”. Lúc này, cuộc tàn cư của người dân Nam Tư vì chiến tranh đang phát trên tivi đã khiến chị cảm nhận rõ hơn bao giờ hết cuộc chiến đang diễn ra ngay chính trong lòng mình: “*Những cuộc di tản khốc liệt dưới bầu trời đầy bom đạn đó không quan trọng với chị bằng việc chỉ còn một giờ đồng hồ nữa. Chị phải đi khỏi căn nhà này. Phải xa*

những gì lâu nay là máu thịt của chị... Không có một điều gì làm chị xúc động hơn chính bản thân bão tố trong lòng chị lúc này. Chiến tranh đã nổ ra. Bom đã rơi vào chính chị. Và chị cũng phải chạy đi. Đến một cảng mới để làm lại từ đầu”. [21,tr.223]

Đến với truyện ngắn *Người đi tìm giấc mơ*, người đọc còn đau xót thay cho số phận của người con gái đang loay hoay tìm kiếm hạnh phúc cho mình. Càng trông mong thì càng thất vọng khi chàng trai tật nguyền lấy cô chỉ vì muốn cô sinh con để nối dõi cho gia đình anh ta. Nhưng số phận oan nghiệt, cô không thể sinh con nên gia đình chồng đã đánh đuổi cô đi. Mất tất cả mọi thứ, cô đi lang thang như một người điên. Giờ đây, chỉ có những giấc mơ mới khiến cô tìm thấy được hạnh phúc. Những giấc mơ phù phiếm trở thành một người phụ nữ đẹp rồi trả thù những người đàn ông: *“Phố đêm rộng hơn so với phố ngày. Tôi bắt đầu tưởng tượng. Một ngày kia. Tôi đi thi hoa hậu. Tôi sẽ đứng ở hai đầu vú hai bông cúc tím, ở bụng một cái lá dâu, và đi ra sân khấu. Những ánh mắt thèm thuồng của những lão đực rựa nhìn tôi không chớp. Những sự phỉ báng của bọn đàn bà gọi tôi là đồ đĩ. Tôi sẽ mỉm cười ném những cái hôn gió về phía họ. Tôi thành hoa hậu”* [21,tr.194]. Loay hoay với cuộc đời, cô gái điếm trong *X-Men có mùi trường đua* cuối cùng cũng tìm thấy được một bến đỗ cho mình với một huấn luyện viên chó đua. Khi đến với X-Men, cô mới có lại những cảm xúc tươi mới, trái tim cô lại xao động: *“Ba mươi ba tuổi, chia tay người chồng cũ mười ba năm. Lần đầu tiên sáng nay ruột gan nàng quặn thắt vì mùi một người đàn ông lạ”* [20,tr.29]. Sự biến đổi trong thế giới nội tâm của nhân vật đã được nhà văn thể hiện qua những lời độc thoại nội tâm để từ đó hiểu rõ hơn sự đau khổ, dằn vặt mà họ đang trải qua. Những khát khao, mơ ước, hi vọng của người phụ nữ trong cuộc đời này khi không thành hiện thực sẽ dẫn đến tình trạng rối loạn và đẩy con người đến những hành vi không làm chủ được mình trong từng tình huống và sự dằn vặt,

uất ức, khổ đau như một điều tất yếu. Thu Huệ, vì thế đã nhiều lần sử dụng giấc mơ như là phương thức để nhân vật thể hiện những ẩn ức, những ám ảnh vô thức, những khát khao của mình trong một trạng thái mà lí trí, ý thức không đủ để diễn tả. *Ám ảnh, Người đi tìm giấc mơ...* là những truyện ngắn sử dụng hiệu quả giấc mơ để khám phá và diễn tả thế giới nội tâm nhân vật.

Thế giới nhân vật đô thị trong truyện ngắn Di Li rất đa dạng. Khắc họa rõ nét tâm lý nhân vật, nhà văn có sự cảm thông với những người phụ nữ có tiền của nhưng lại vì cô đơn mà tìm đến những tình cảm ngoài chồng. Đó là người đàn bà trong *Điệu Valse địa ngục* “*dù tuổi tác có đến đâu, nếu ở trong vòng tay đàn ông đều trở thành con trẻ. Họ muốn được khen ngợi, nâng nui và âu yếm*” [28,tr.221], “*Những người đàn bà cố làm cho mình quyến rũ bằng cách khóa lấp các bộ váy áo kim tuyến sặc sỡ và phấn son rậm dày lên làn da đã không thể căng trở lại, lên những múi mỡ phều phào không biết xếp vào đâu*” [28,tr.221]. Bà P có rất nhiều tiền và bà cũng rất cần đàn ông. Có thể vì sự cô đơn mà người phụ nữ ấy phải tìm đến trai bao nhưng “*không đơn giản chỉ để làm việc đó hay để nghe những lời tán tụng như một sự phục vụ bao gồm trong hợp đồng, mà bằng cả sự mê muội kỳ lạ khác hẳn về điềm tĩnh vốn có của bà*” [28,tr.222]. Bà đắm chìm trong tình ái rồi đi vào con đường cụt lúc nào không biết. Cuối cùng, cái chết của bà chính là sự trả giá cho những thứ phù phiếm mà đồng tiền chi phối. Bà thật đáng thương hơn là đáng trách bởi cạm bẫy của cuộc đời cũng như sự bế tắc, cô đơn của kiếp người.

Nếu Nguyễn Thị Thu Huệ thường dành khá nhiều khoảng lặng và câu chữ để nhân vật tự nhìn ngắm tâm hồn mình và giãi bày tâm tư, thì Di Li lại kiệm lời, ít dành không gian cho sự phân tích tâm lý mà thường để cho sự kiện, hành động tự nói lên ý nghĩa của nó và qua đó, tính cách, phẩm chất nhân vật được bộc lộ. Hai nhà văn hai cách diễn tả khác nhau nhưng thế giới nhân vật của họ đều hiện lên hết sức sinh động và đầy màu sắc.

3.3. Ngôn ngữ

3.3.1. Ngôn ngữ trần thuật

Ngôn ngữ trần thuật chính là lời kể, lời tả, lời trữ tình ngoại đề,... của người kể. Tác giả có nhiệm vụ vừa là người dẫn dắt, vừa là người kể chuyện trong chính tác phẩm tự sự của mình.

Hồ Phương đã từng nhận xét về truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ một cách sâu sắc “*Thu Huệ là cây bút hết sức sắc sảo*”. Với những trải nghiệm và sự hiểu biết tinh tế của mình, Thu Huệ đã thể hiện rõ nét qua việc xây dựng ngôn ngữ sắc sảo, bạo liệt. Thứ ngôn ngữ ấy được chệch đưa vào miêu tả từng cung bậc cảm xúc đến chiều sâu trong thế giới nội tâm nhân vật. Từ đó, chúng ta có thể cảm nhận rõ nét số phận, tính cách và tâm lý của từng nhân vật. Thứ ngôn ngữ bạo liệt ấy của người kể khi nói về tình yêu “*Trong tình yêu, có lúc phải giành lấy cái gọi như chơi bạc ấy, được thì phát, hỏng thì thôi nhưng phải cướp cái*” (**Cát đọi**). Không chỉ vậy, Thu Huệ còn dám nói ra những điều mà nhiều người chỉ nghĩ mà ít ai dám nói bởi sự sắc sảo và sự nhạy cảm của người phụ nữ mạnh bạo: “*Đa tình chẳng phải lỗi tại đàn bà. Lỗi tại đàn ông nên chị cứ đắm say ai một thời gian thì chính chị lại chạy mất. Hóa ra, có không chịu đựng những người đàn ông không ra gì thì thành đàn bà đa tình*” (**Hoàng hôn màu cả úa**). Bên cạnh đó, bức tranh đời sống hiện đại thô ráp còn được nhà văn dùng thứ ngôn ngữ đầy ám ảnh để diễn tả trạng thái vô cảm của con người: “*Người ngồi cứng đờ như những bức tượng. Mỗi khi xe phanh gấp, tượng người bê tông đó nghiêng nguyên khối, sau trở về vị trí cũ. Mắt ai cũng nhìn vào một khoảng không trước mặt, đem cho người đối diện là họ đang suy nghĩ rất sâu về một vấn đề riêng, tất cả đều mang khuôn mặt ơ hờ, bình thản*” (**Thành phố đi vắng**). Người đọc còn ám ảnh bởi ngôn ngữ lạnh lùng khi tác giả đề cập về cái ác, cái chết “*Không nhớ nhiều thế nào. Mà này, anh phải làm gì, hay nói thế nào, em mới chịu tin, là anh giết cô gái trôi ngoài biển ấy nhỉ*” (**X-Men có mùi trường**

đua); “Sau chuyến ăn tươi không thành rồi Luyến phát hiện da vàng toàn thân đến khi chết, chưa tới trăm ngày. Cứ từ từ mà đời mình tuột khỏi tay” “Ánh mắt đại dần. Rồi hết đại...Nhắm lại” “Luyến chết” (**Sống gửi thác vè**); “Tối qua...có con bé giận mẹ, cầm dao trong túi quần đi tự tử...Nó điên lên, rút ngay dao đâm bị thương mấy người rồi nhảy xuống lao đầu vào ô tô tải” (**Thành phố đi vắng**).

Không chỉ dùng thứ ngôn ngữ sắc sảo, lạnh lùng khi đề cập đến những vấn đề nổi cộm của cuộc sống đô thị hiện đại, Thu Huệ còn mang lại cho người đọc sự gần gũi, thân thương bởi những ngôn từ êm dịu, sâu lắng khi miêu tả thiên nhiên: “*Nắng cuối thu ong vàng. Những cây điệp bông vàng dài rũ xuống như những sợi dây vàng ròng rã nghiêng trong gió. Mặt hồ xanh. Mênh mông sâu hiền hòa. Phía xa, bên kia hồ là những dãy núi, mây trắng viền xung quanh*” (**Mùa thu vàng rực rỡ**). Thiên nhiên còn mang đến những khoảng khắc lung linh, huyền ảo của ánh trăng: “*Trăng lên cao và vàng rực góc trời. Ánh sáng vàng chảy như lụa từ trên trời cao mênh mông gió trái xuống mặt hồ*” (**Mùa thu vàng rực rỡ**). Cuộc sống nhộn nhịp, tươi mới của lối sống đô thị cũng hiện lên rất chân thực, thân quen: “*Dưới đường, loang loang ánh đèn, tiếng còi xe, tiếng nhạc đủ thể loại hắt ngược lên. Tiếng ca cải lương nã nê từ chiếc xe bán băng đĩa dạo. Tiếng trống đập rầm rầm loại nhạc hiphop đang thịnh hành của lũ trẻ phát ra từ hàng thời trang TTT, hay tiếng hú tiếu gõ, tiếng rầm rập net pô xe phân khối lớn gây cảm giác xe đi xa mà khói vẫn quấn quanh. Thỉnh thoảng, léo lắt tiếng ca buồn ngang ngang ma quái Khánh Ly hát nhạc Trịnh*” (**Thành phố đi vắng**).

Khác với sự “sắc sảo”, “lạnh lùng” của Thu Huệ, truyện ngắn của Di Li viết về đời sống xã hội lôi cuốn người đọc bởi ngôn ngữ hài hước với sự kết hợp giữa hiện thực và trào lộng. Điều này nhận thấy rõ ở các truyện: **Pizza chiều thứ sáu, Hai người trên hoang đảo, Lớp học lắng nghe, Điện hoa...** Trong **Lớp học lắng nghe**, tiếng cười nhằm phê bình một tật xấu của con

người là bệnh nói nhiều. Ngay mở đầu câu chuyện đã mang ngôn ngữ dí dỏm: “Ngay khi tôi vừa được bà mẹ dốc ngược đầu và võ mông ba cái để oe lên tiếng khóc chào đời thì một ông thầy chiêm tinh tình cờ đi qua bệnh viện phụ sản” [31,tr.31] rồi tăng bốc cậu bé “sau này sẽ là một bậc vĩ nhân, danh tiếng lẫy lừng” [31,tr.31]. Kết thúc tác phẩm, tác giả vẫn dùng ngôn ngữ hài hước để “cà khịa” truyền thông, báo chí: “Ngày... tháng... năm, báo chí tranh nhau đưa một cái tit giật gân lên trang nhất. Giáo sư X đồng thời là một doanh nhân thành đạt, một trong những con người tài hoa nhất của thời đại đã phải nhập viện vì một căn bệnh hết sức kỳ lạ: BỆNH NÓP” [31,tr.50-51]. Có khi, Di Li còn mang lại tiếng cười bởi cách diễn đạt rất tự nhiên. Đó là khi anh sinh viên đi xin việc trong **Điện hoa**, dù chuẩn bị rất chu đáo nhưng lại trở nên thừa: “Hồ sơ của tôi ghi cụ thể những kỹ năng cần phải có đối với một người xin việc: tiếng Anh, vi tính và cả bảng kê toán. Tuy nhiên, câu duy nhất người ta hỏi tôi lại là “*Cậu có xe máy không?*” [31,tr.52-53]. Hay những khi “nổi khùng” vì công việc, vì mưu sinh mà anh nghĩ: “*Ở Nhanh Một Phút, tôi không thể nổi khùng với bất cứ ai. Khách hàng, trưởng phòng hay giám đốc, họ đều là những bữa ăn trưa ăn tối của tôi cả*” [31,tr.62].

Bên cạnh việc sử dụng ngôn ngữ khôi hài, Di Li cũng giống Thu Huệ ở chỗ khéo léo tạo sự thú vị bởi sự pha chút chất thơ dịu dàng. **Hai người trên hoang đảo** là truyện hài hước nhưng từ đoạn mở đầu đã gợi nên sự lãng mạn: “*Không ít những đàn ông từng ít nhất một lần trong đời mơ tưởng được đạt lên một hòn đảo hoang với một cô gái xinh đẹp và cũng không ít phụ nữ mơ đến ngày được đạt lên đảo vắng với một người đàn ông quyến rũ. Ở đó có những bụi dây leo rậm rì bí ẩn, những bãi cát vàng ruộm nuôi sóng vỗ bờ và những đêm trăng trên bờ biển, ánh sáng dát bạc phủ đầy dãy núi đá hoang sơ*” [31,tr.5]. Ngôn ngữ giàu chất thẩm mỹ làm cho người ta hình dung đến khung cảnh một hòn đảo hoang sơ thật tuyệt vời với biển xanh, cát trắng và cô gái đẹp. Không ngờ, họ vô tình gặp nhau ở bữa tiệc trên chiếc tàu với tên

gọi rất thơ mộng “*Âm thanh của biển khơi*” hứa hẹn nhiều câu chuyện tình hấp dẫn.

3.3.2. *Ngôn ngữ nhân vật*

Ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu của văn học. M.Gorki khẳng định: “Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”. Trong các tác phẩm thuộc các loại hình tự sự, bên cạnh ngôn ngữ người trần thuật, ngôn ngữ nhân vật được nhắc đến như một trong các phương tiện quan trọng để nhà văn sử dụng nhằm thể hiện cuộc sống và cá tính nhân vật.

Sử dụng ngôn ngữ đối thoại, Nguyễn Thị Thu Huệ như muốn lột trần bản chất và sự tha hóa ghê gớm của con người trong xã hội hiện đại. Đoạn đối thoại giữa My và chị Hảo trong *Thiếu phụ chưa chồng* là một ví dụ điển hình: “- *Em nói cho chị biết là em và anh Dương đã yêu nhau!*- *Mặt My lì lợm*” “- *Em yêu anh ấy và anh ấy cũng yêu em. Bây giờ chị định thế nào?* - *Em định nói cái gì đấy My. Dương là anh rể của em?* - *Giọng Hảo tắc nghẹn* – *My. Em còn trẻ. Có phải Dương lợi dụng em không?* - *Không ai lợi dụng ai mà là tự nguyện.* - *Em còn trẻ, đấy không phải là tình yêu. Chẳng qua là em đang cô đơn, đang buồn nên nhầm tưởng giữa em và Dương là tình yêu?* – *Khuôn mặt chị Hảo thoát già sọp, đau đớn. ...* “*Thôi đi, My vẫn mắt, gắt to – Tôi không cần ai thương hại. Chị nói sai hết. Tôi đã và sẽ không thích bất cứ một thằng đàn ông nào khác ngoài Dương.* - *Tại sao? Mà Dương là anh rể em, có thích cũng không được phép. Đó là tội loạn luân!* – *Hảo hét lên*” [21,tr.239]. Những lời đối thoại của hai chị em cho ta thấy rõ được bản chất của My là người con gái sống thực dụng mà đánh mất đi tình nghĩa, trái ngược lại Hảo là một người chị biết phân biệt đúng sai, sống vị tha. Sự tha hóa của My được thể hiện rõ nét qua những lời đối thoại cho người đọc thấy sự căm ghét trước những hành động của My đồng thời cảm thông với nỗi bất hạnh mà người chị phải mang.

Bên cạnh độc thoại nội tâm dưới dạng tự bạch, truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ cũng chọn dạng ngôn ngữ độc thoại nội tâm dưới dạng nhật ký để khám phá con người với mọi suy nghĩ, cảm xúc chân thực nhất. Cùng với việc diễn tả tâm trạng người mẹ (*Hậu thiên đường*), nhà văn đã bộc lộ tâm lý của người con gái qua những trang nhật ký. Đó là những ý nghĩ trong trẻo, thơ ngây đến khờ khạo của một đứa trẻ thiếu vắng người cha mà không có sự chăm sóc của người mẹ bên cạnh. Những trang nhật ký là những trang độc thoại nội tâm thành thực nhất mà đứa trẻ gửi gắm tất cả ý nghĩa cảm xúc của mình: “Ngày - Hôm đang ngồi trong lớp đợi mưa tạnh, chợt thấy cuối đường có một chị che cái ô đỏ. Đẹp thế không biết...”, “Ngày - Sao mẹ hay về khuya thế? Mình mà như mẹ, mình sẽ lấy chồng...” [21,tr.49], “Mình thích anh ấy vì mắt anh ấy đẹp”, “Ngày - Mình nhớ anh ấy quá. Hai ngày không thấy anh ấy đâu. Hay anh ấy ốm rồi. Đi học về mình cứ thấy ngơ ngác thế nào ấy. Bỗng anh ấy hiện ra ở đầu đường: Bé con, mấy ngày vừa rồi anh phải có phi vụ làm ăn, nhớ em quá, phải đón em tại đây. Ôi giờ ơi, sao mình sung sướng thế. Mình yêu anh ấy mất rồi” [21,tr.51]... Những tâm sự thầm kín của con gái mới lớn khiến mẹ hốt hoảng nhận ra con gái đang lao vào một tình yêu mù quáng với người đàn ông đã có vợ và hai con. Người mẹ như sụp xuống với tâm trạng thờ thẫn “tôi lặng người”, “tôi có cảm giác như mình bỗng hóa thành đá”, “tôi lặng lẽ ra sân” rồi “giống như một người điên”, “cuồng điên, tiếc nuối và bất lực” [21,tr.51]... Từ những tâm sự của con, người mẹ ý thức được sự trách nhiệm, nhận ra lỗi lầm của mình rồi chị lao đi tìm con trong đêm tối nhưng đã quá muộn màng.

Bên cạnh đó, ta còn bắt gặp những câu đối thoại đậm chất dung tục đời thường qua trận cãi vã của vợ chồng trong truyện ngắn *Phù thủy*:
“Chồng: - Câm mồm. Rõ dơ. Vứt con cái ở nhà trốn lên đi với giai. Gái phải hơi giai như thài lài phải cứt chó. Lại còn hát nữa.
Vợ: - Thế đấy. Bà đây không đi thì ở nhà nhìn chúng mày đú à?” [21,tr.442].

Đó còn là những câu nói đay nghiến mà chính người mẹ nói với con gái của mình: “*Con khôn nạn. Mà làm cái gì thế kia hả?*”, “*Bao giờ thì tao thoát khỏi mày. Con gái mười một mười hai tuổi rồi mà ngu thế không biết*”, “*Lại đi châu bà trẻ rồi. Con yêu tinh đó cướp bố mày rồi. Càng thoát!*” [21,tr.433-434].

Trong ***Hai người trên hoang đảo*** của Di Li, sau tám tháng sống trên đảo hoang, họ vừa tranh giành, cãi vã, lừa lọc nhau. Khi vừa được cứu thì cả hai đều xin về trên hai tàu khác nhau. Mỗi người lên một tàu, chàng trai quay đi rồi lẩm bầm “*On chúa*”, còn nàng nhanh chóng lên tàu và miệng thì thầm “*A di đà Phật*” như một sự giải thoát nhẹ nhõm. Qua lời của nhân vật đã tạo tiếng cười nhẹ nhàng trước những ganh đua giữa sự sống và cái chết của con người. Ta còn bắt gặp tiếng cười đó qua truyện ***Tàng thứ nhất***. Lời của Diêm Vương khi kết tội tên nhà báo: “*Tội nhận tiền mới chỉ thấy phạm một lần nên chưa đáng khép vào tội hối lộ, nhưng tội nói dối đã có bằng chứng lặp đi lặp lại nhiều lần. Chiếu theo luật bộ hình âm phủ, phạt hấn một que xiên ngang mồm*” [29,tr.8], còn nhân vật nhà báo dù có chết đi rồi nhưng vẫn thấy “*tiếc rẻ*” khi thấy sự thật của cuộc đời: “*Giá mà bây giờ quay về được thì có khối chuyện để viết, chỉ cần thêm thắt cho có tình tiết, cốt truyện rồi thêm mắm thêm muối thì có mà báo bán chạy như tôm tươi*” [29,tr.12].

Bà Trình trong ***Chiếc vòng bạc*** với lời lẽ chua ngoa khi chửi chồng chửi con: “*Tiên nhân sư cha cụ tổ nhà nó, tao mà óm ra đấy thì khối đũa biết thân*”, “*À, mày ăn tàn phá hại hai mươi mấy năm giờ rồi thì bây giờ mày chửi già. Có giỏi thì tao nằm liệt ra đây cho chúng mày nuôi tao đi*” [29,tr.38]. Nhưng lại dùng những lời âu yếm để nói với cô Sùng nhằm vụ lợi thì: “*Em biết đấy, chị thì vất vả, ba đưa con đi học chẳng ai trông nom, đưa lớn thất nghiệp. Còn anh Trình thì... chị cũng thương anh ấy lắm*”, “*Em ơi, chị biết em không vương bận chồng con, nếu nó là cái duyên cái số, em có muốn ở lại đây bầu bạn với chị, trông nom anh Trình và các cháu giúp chị*” [29,tr.43], sẵn sàng đánh đổi hạnh phúc gia đình vì

ham danh ham của. Câu nói hiềm hoi của vợ chồng Biên trong ***Đồ một sách*** cũng phần nào thấy được hạnh phúc của họ cũng như lý giải vì sao Biên lại say mê người có nick Cheocheo và trở thành kẻ “điên” vì nghiện trò chơi trên mạng: “Lèo nhèo cái gì. Cô là phụ nữ mà cảm bao giờ biết chia sẻ với chồng. Đừng có để tôi điên lên là chỉ có chết”, “Á á, tôi cũng đang muốn điên lên đây. Không có con này thì tan của nát nhà rồi nhá” [31,tr.164], “Tôi thấy nhà hết nước mắm nên định lên kia mua một can”, “Tôi vừa mua chiều qua hết làm sao được. Rõ đồ chập mạch”. Nhưng khi “chat” với Cheocheo thì trở thành một người đàn ông hoàn toàn khác “Anh yêu em, vợ hiền ơi”, “Có nhớ anh không, hoa hậu của anh” [31,tr.174].

Đôi vợ chồng trẻ trong ***Chiếc ấm nước đặt trên bếp ga***, mặc dù tình yêu của họ đã hết từ lâu nhưng bởi những thói quen hàng ngày họ vẫn thể hiện sự quan tâm qua những hành động nhưng lời nói nhạt nhẽo, nhạt gừng: “Em đi ra tiệm làm tóc”, “Làm gì thế”, “Làm tóc”, “Em nên nghỉ ngơi”, “Làm tóc cũng là nghỉ ngơi”, “Ừ nhỉ. Chúc vui” [31,tr.122]. Ở câu chuyện thứ nhất trong ***Những câu chuyện về thời gian***, những câu nói băng quơ giữa chàng và nàng: “Bọn quay phim ra trường cũng đến thất nghiệp. Điện ảnh bây giờ bão hòa rồi”, “Ai bảo anh là điện ảnh của mình kém. Mình vào “vê kếp tê ô” rồi thì cái gì cũng sẽ phát triển, mà dân quay phim toàn con ông cháu cha cả, thất nghiệp sao được” [31,tr.125]. Ngôn ngữ đối thoại “tĩnh bơ”, nhưng hàm chứa một thái độ ngầm ẩn hết sức sâu sắc, và sắc thái hài hước được bộc lộ một cách hết sức tinh tế.

Nếu Nguyễn Thị Thu Huệ thường cá tính hoá ngôn ngữ nhân vật, thì Di Li thường chọn cách để cho nhân vật ít phát ngôn, hoặc nói ngắn gọn nhưng mang màu sắc giễu nhại hoặc triết lý. Cách nói của nhân vật trong truyện Di Li đã phản ánh xu hướng của xã hội đương đại, khi giao tiếp xã hội của con người có chiều hướng hạn chế về chiều rộng mà đi vào chiều sâu, con người ít giải bày, chia sẻ mà thường phát ngôn ngắn gọn, tinh lược, nhưng sâu sắc.

Đặt bên cạnh một Nguyễn Ngọc Tư đậm màu sắc của miền Tây Nam Bộ, một Đỗ Bích Thủy đậm dấu ấn của vùng núi cao Tây Bắc, một Trần Thùy Mai duyên dáng thanh tao của xứ Huế, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li mang đến những nét vừa gặp gỡ, vừa riêng biệt của văn chương đô thị phía Bắc: một người thâm trầm, lịch lãm, sắc sảo, một người hiện đại, năng động, cá tính nhưng đều toát lên nét sang trọng và vẻ đẹp đa dạng, phong phú. Cùng với các cây bút khác, văn chương Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã góp phần khẳng định sự trưởng thành mạnh mẽ, sự phát triển nở rộ, đa hương sắc của các cây bút nữ. Và cùng với các nhà văn khác như Nguyễn Huy Thiệp, Đỗ Phấn, Nguyễn Việt Hà..., sự khai thác và biểu hiện con người và cuộc sống đô thị của hai nhà văn này đã giúp cho người đọc thấy được một quá trình vận động và phát triển với cả những thành tựu, những vẻ đẹp và cả những mặt trái, những vấn đề, những bi kịch của đô thị Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Từ những năm 30 của thế kỉ XX, đã có những tác phẩm văn học viết về cuộc sống con người thành thị. Nhưng phải đến năm 1986 với sự thay đổi của nền kinh tế thị trường thì đô thị đã trở thành đề tài được nhiều nhà văn quan tâm và phản ánh chân thực. Bên cạnh những thay đổi tích cực, các nhà văn đã đi sâu vào khai thác những đổi thay của cuộc sống, con người trước sức hút của nền kinh tế thời kỳ hội nhập. Cùng với tài năng dồi dào và sự trải nghiệm sâu sắc, các nhà văn Việt Nam đương đại nói chung và nữ nhà văn đương đại nói riêng đã cho ra đời những tác phẩm đặc sắc về đời sống và con người đô thị. Trong đó, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li là hai cây bút nữ đương đại có nhiều truyện ngắn tiêu biểu viết về đề tài đô thị ở mảng truyện ngắn.

2. Có mặt trong diễn đàn văn học Việt Nam cuối những năm của thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã đem đến cho truyện ngắn những nét mới độc đáo, trẻ trung mang đậm dấu ấn bản sắc giới về sự biến đổi của đô thị Việt Nam trong thời kì đất nước mở cửa, hội nhập. Các truyện ngắn in trong các tập truyện: *Thành phố đi vắng*, *Cửa để dành* của Nguyễn Thị Thu Huệ; *Chiếc gương đồng*, *Thác Babel trên đỉnh thác ánh trăng*, *Tầng thứ nhất*, *Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường* của Di Li là những sáng tác tiêu biểu viết về con người và đời sống đô thị với những nét độc đáo của từng nhà văn. Qua những tập truyện ngắn này cùng với các tác phẩm khác, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã khẳng định được vị trí, tên tuổi của mình trên diễn đàn văn học Việt Nam và trong lòng đông đảo công chúng bạn đọc.

3. Trong mỗi trang văn của mình, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li như những người quay phim hết sức cẩn mẫn, tỉ mỉ ghi hình để đưa ống kính của mình đến từng mảng sáng tối khác nhau của đời sống và con người đô thị. Qua đó, họ đã thể hiện rõ những nhận thức của mình trước sự biến thiên của xã hội

bằng cách quan sát và cảm nhận hết sức độc đáo của văn học. Không chỉ ghi lại những thay đổi về mặt tích cực của đời sống, con người mang những giá trị mới của thời kì hội nhập, các nhà văn còn thẳng thắn phơi bày những mặt trái của xã hội đô thị bởi sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường. Đó là những bi kịch về sự lạc mất bản sắc cá nhân, con người cô đơn trong chính cuộc đời của mình trước những giá trị truyền thống bị rạn nứt, đảo lộn; sự tha hóa của con người trước sự xô bồ, hỗn tạp của dục vọng, của lối sống học đòi phương Tây rồi trở nên thực dụng, bị đồng tiền, dục vọng chi phối... Cùng với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đã dẫn đến những thay đổi về diện mạo cảnh quan sinh thái đô thị. Ở đó, con người đứng trước những đổi thay của thời cuộc có xu hướng kiếm tìm những biểu tượng tự nhiên để bồi đắp cho đời sống tinh thần đang xuống cấp trầm trọng. Không những vậy, qua những sáng tác viết về đô thị, hai nữ nhà văn còn hi vọng đem đến cho bạn đọc những thông điệp có ý nghĩa nhân văn trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp mang đậm bản sắc con người Việt Nam thời kì mới. Đồng thời, để người đọc cảm nhận sâu sắc về sự đổi thay của con người và đời sống đô thị hiện đại đó còn là những trăn trở, suy tư mà người cầm bút luôn hướng đến bức tranh đô thị Việt Nam thời kỳ đổi mới đầy ngổn ngang.

4. Cùng với quá trình sáng tạo nghệ thuật nhằm mô tả cuộc sống đô thị thời kỳ đổi mới, Nguyễn Thị Thu Huệ và Di Li đã thể hiện những nét đặc sắc trong nghệ thuật ở một số phương thức cơ bản như: xây dựng tình huống truyện tiêu biểu của đời sống đô thị và mang bản sắc giới một cách cụ thể, sinh động, giúp cho việc phản ánh con người, đời sống đô thị một cách khách quan, chân thực nhất. Thêm vào đó, các nhà văn còn khắc họa cụ thể chân dung, ngoại hình cũng như tâm lý nhân vật hết sức tài tình cùng với cách sử dụng ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật đậm tính dân chủ và đa thanh cho truyện kể.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Phương Anh (2009), *Quan niệm nhân sinh của người phụ nữ qua các sáng tác văn xuôi thời kỳ đổi mới qua sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ, Võ Thị Hào, Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKHXH&NV
2. Vũ Tuấn Anh (1995), *Đổi mới văn học vì sự phát triển*, *Tạp chí Văn học* (số 4), tr.14-19
3. Vũ Tuấn Anh (1996), *Quá trình văn học đương đại nhìn từ phương diện thể loại*, *Tạp chí Văn học* (số 9), tr.28-31
4. Lê Huy Bắc (1998), *Giọng và giọng điệu trong văn xuôi hiện đại*, *Tạp chí Văn học* (số 9), tr.66-73
5. Lê Huy Bắc (2004), *Truyện ngắn: nguồn gốc và thể loại*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 5), tr.84-95
6. Nguyễn Thị Bình (2007), *Văn xuôi Việt Nam 1975- 1995- Những đổi mới cơ bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội
7. Nguyễn Thị Bình (2011), *Ý thức phái tính trong văn xuôi nữ đương đại*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 9), tr.74-85
8. Xuân Cang (2000), *Tám chữ hà lạc và quỹ đạo đời người*, NXB Văn hóa thông tin
9. Dương Thị Thùy Chi, *Nhà văn Nguyễn Thị Thu Huệ: Lạnh lùng câu chữ, xót xa tâm can*, <http://baotintuc.vn/van-hoa/nha-van-nguyen-thi-thu-hue-lanh-lung-cau-chu-xa-xot-tam-can-20130711211730593.htm>, ngày 12/07/2013
10. Nguyễn Đình Doanh (2016), *Cảm thức đô thị trong truyện ngắn Việt Nam đương đại (Qua truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái, Nguyễn Thị Thu Huệ)*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSPHN2
11. Phan Cự Đệ (2005), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, NXB Giáo dục, Hà Nội

12. Nguyễn Đăng Điệp, *Vấn đề phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn học Việt Nam đương đại*, <http://phebinhvanhoc.com.vn/?p=7679>, ngày 20/04/2013
13. Hà Minh Đức (2001), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục
14. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
15. Anh Hoa, *Nhà văn Di Li: Nếu không cẩn thận văn hóa chúng ta sẽ bị nuốt mất*, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/tieu-dung/nha-van-di-li-neu-khong-can-than-van-hoa-chung-ta-se-bi-nuot-mat-87464.html>, ngày 4/2/2014
16. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những thi pháp của truyện*, NXB Giáo dục
17. Lê Thị Huệ (2014), *Đề tài gia đình trong truyện ngắn Trần Thùy Mai, Y Ban và Nguyễn Thị Thu Huệ*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKHXH&NV
18. Nguyễn Thị Thu Huệ (2003), *Nào ta cũng lãng quên*, NXB Hội nhà văn
19. Nguyễn Thị Thu Huệ (2004), *37 truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ*, NXB Hội nhà văn
20. Nguyễn Thị Thu Huệ (2012), *Thành phố đi vắng*, NXB Trẻ
21. Nguyễn Thị Thu Huệ (2018), *Cửa để dành*, NXB Trẻ
22. Nguyễn Thị Thu Huệ - *chuyện văn, chuyện đời*, <http://vietbao.vn/Van-hoa/Nguyen-Thi-Thu-Hue-chuyen-van-chuyen-doi/10729000/181/>, ngày 2/7/2001
23. Mai Hương (2006), *Đổi mới tư duy văn học và đóng góp của một số cây bút văn xuôi*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 11), tr.3-14
24. Nguyễn Hương, *Nguyễn Thị Thu Huệ - nhà văn nông âm tình yêu* <http://www.qdnd.vn/van-hoa-giao-duc/doi-song-van-hoa/nguyen-thi-thu-hue-nha-van-cua-nong-am-tinh-yeu-410048>, ngày 20/09/2012

25. Nguyễn Thị Hương (2014), *Đề tài đô thị trong tiểu thuyết của Đỗ Phấn*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKHXH&NV
26. Triệu Thị Hiệp (2014), *Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên
27. Tống Thị Minh (2014), *Nghệ thuật trần thuật trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKHXH&NV
28. DiLi (2010), *Chiếc gương đồng*, NXB Phụ nữ
29. Di Li (2010), *Tầng thứ nhất*, NXB Văn học
30. DiLi (2010), *Tháp Babel trên đỉnh thác ánh trăng*, NXB Văn học
31. Di Li (2017), *Đôi khi tình yêu vẫn hay đi lạc đường*, NXB Phụ nữ
32. Nguyễn Văn Long (2003), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, NXB Giáo dục
33. Nguyễn Văn Long (2009), Lã Nhâm Thìn đồng Chủ biên, *Văn học Việt Nam sau 1975- Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, NXB Giáo dục, Hà Nội
34. Phương Lựu (2002), *Lý luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
35. Phương Lựu (1998), Suy nghĩ về đặc điểm của nữ văn sĩ, *Tạp chí Văn học* (số 2), tr.17-23
36. Phương Lựu (1996), Tản mạn về văn nghệ với tính dục, *Tạp chí Văn học* (số 3), tr.7-11
37. Phương Lựu (2001), Tìm hiểu trực giác và vô thức trong tư duy nghệ thuật, *Tạp chí Tác phẩm mới* (số 3), tr.93-98
38. Nguyễn Ngọc (1990), Đôi nét về một tư duy văn học mới đang hình thành, *Tạp chí Văn học* (số 4), tr.25-29
39. Vương Trí Nhàn (1996), Phụ nữ và sáng tác văn chương, *Tạp chí Văn học* (số 6), tr.63-65
40. Nhiều tác giả (1995), *Truyện ngắn các tác giả nữ (tuyển chọn:1945-1995)*, NXB Văn học, Hà Nội

- 41.Nhiều tác giả (2003), *Truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- 42.Nhiều tác giả (2007), *Truyện ngắn nữ đầu thế kỉ 21 (2001- 2007)*, NXB Văn học, Hà Nội
- 43.Nhiều tác giả (1999), *Truyện ngắn nữ thập niên 90*, NXB Phụ nữ, Hà Nội
- 44.Nhiều tác giả (2001), *Tuyển văn tác giả nữ Việt Nam*, NXB Phụ nữ, Hà Nội
- 45.Nhiều tác giả (2007), *Tuyển văn tác giả nữ Việt Nam (1975-2007)*, NXB Phụ nữ, Hà Nội
- 46.Nhiều tác giả (2007), *Truyện ngắn 50 tác giả nữ*, NXB Thanh niên
- 47.Nguyễn Đức Quang (1993), Ngô Vĩnh Bình, Phạm Hoa thực hiện, Chúng tôi phỏng vấn bốn cây bút nữ, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội* (số 3), tr.109-113
- 48.Trần Đình Sử (1986), Máy ghi nhận về sự đổi mới của tư duy nghệ thuật và hình tượng con người trong văn học ta thập kỷ qua, *Tạp chí Văn học* (số 6), tr.7- 14
- 49.Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội
- 50.Trần Đình Sử chủ biên , *Tự sự học (Một số vấn đề lí luận và lịch sử)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
- 51.Trần Đình Sử (2008), *Tự sự học- Một số vấn đề lí luận và lịch sử (Phần 2)*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
- 52.Trần Đình Sử (2007), Văn học như là tư duy về cái khả nhiên, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 2), tr.3-12
- 53.Đoàn Minh Tâm (2012), *Văn học trẻ như tôi hình dung*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội
- 54.Vũ Đức Tân (2003), Văn xuôi của một số cây bút nữ, *Báo Người Hà Nội* (số10), tr.7

55. Nguyễn Thị Thành Thắng (2004), Phác thảo vài nét về diện mạo truyện ngắn đương đại và sự góp mặt của một số cây bút nữ, *Tạp chí Văn, Hội Nhà văn TP. Hồ Chí Minh* (số 18), tr.119-126
56. Bùi Việt Thắng (1999), *Bình luận truyện ngắn*, NXB Văn học
57. Bùi Việt Thắng (2002), *Tứ tử trình làng*, bài giới thiệu cuốn *Truyện ngắn bốn cây bút nữ*, NXB Văn học
58. Bùi Việt Thắng (2004), *Truyện ngắn hôm nay*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 1), tr.69-78
59. Bùi Việt Thắng (2001), *Truyện ngắn, những vấn đề lý thuyết và thực tiễn thể loại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
60. Nguyễn Anh Thế, *Nhà văn Di Li rong chơi kể “Chuyện làng văn”*, <http://dantri.com.vn/xem-an-choi/nha-van-di-li-rong-choi-ke-chuyen-lang-van-1341232098.htm>, ngày 28/06/2012
61. Bích Thu (2001), Văn xuôi của phái đẹp, *Tạp chí Sông Hương* (số 145), tr.61-63
62. Lý Hoài Thu (2002), Sự vận động của các thể loại văn xuôi trong văn học thời kỳ đổi mới, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật* (số 1), tr.55-59
63. Lý Hoài Thu (2006), *Đồng cảm và sáng tạo*, NXB Văn học
64. Trần Thục, *Một góc nhìn về văn xuôi nữ*, <http://tonvinhvanhoadoc.vn/mot-goc-nhin-ve-van-xuoi-nu.html/>, ngày 19/03/2012
65. Lê Hương Thủy (2006), Điềm qua về sự vận động của truyện ngắn các cây bút nữ, *Tạp chí Nhà văn* (số 3), tr.64-71
66. Lê Thị Hương Thủy (2004), *Truyện ngắn của một số cây bút nữ thời kì đổi mới (qua sáng tác của Nguyễn Thị Thu Huệ, Y Ban, Phan Thị Vàng Anh, Lý Lan)*, Luận văn thạc sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội
67. Lê Thị Hương Thủy (2006), *Truyện ngắn sau 1975- một số đổi mới về thi pháp*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 11), tr.59-69

68. Nguyễn Xuân Thủy, Nguyễn Thị Thu Huệ: “Người tốt đang co ro”, <https://vnexpress.net/giai-tri/nguyen-thi-thu-hue-nguoi-tot-dang-co-ro-2134932.html>, ngày 13/06/2012
69. Nguyễn Thị Như Trang (1990), Thành tựu và đội ngũ các nhà văn nữ Việt Nam, *Báo Văn nghệ* (số 33), tr.15
70. Lê Ngọc Trà (2007), *Văn chương, thẩm mỹ và văn hóa*, NXB Giáo dục
71. Lê Dục Tú, *Đội ngũ nhà văn viết truyện ngắn đương đại*, <https://www.baoquangbinh.vn/van-hoa-van-nghe/201211/doi-ngu-nha-van-Viet-Nam-viet-truyen-ngan-duong-dai-2102976/>, ngày 10/11/2012
72. Lê Văn Tùng (2007), Tính năng động nghệ thuật của văn học hiện đại Việt Nam và một cách nhìn từ thể loại, *Tạp chí Nghiên cứu văn học* (số 5), tr.108-117
73. Lê Thị Tuyết (2010) *Nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Hoàng Diệu*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHKHXH&NV
74. Hồ Khánh Vân, *Từ quan niệm về lối viết nữ (l'écriture féminine) đến việc xác lập một phương pháp nghiên cứu trong phê bình nữ quyền*, <http://phebinhvanhoc.com.vn/tu-quan-niem-ve-loi-viet-nu-l-ecriture-feminine-den-viec-xac-lap-mot-phuong-phap-nghien-cuu-trong-phe-binh-nu-quyen/>, ngày 15/04/2012
75. Hồ Khánh Vân, *Bước đầu xác lập một số khái niệm trong phê bình văn học nữ quyền*, <http://phebinhvanhoc.com.vn/buoc-dau-xac-lap-mot-so-khai-niem-trong-phe-binh-van-hoc-nu-quyen/>, ngày 1/12/2012
76. Hồ Khánh Vân, *Một vài lý giải về hiện tượng tự thuật trong sáng tác văn xuôi của các tác giả nữ Việt Nam từ 1990 đến nay*, <http://phebinhvanhoc.com.vn/mot-vai-ly-giai-ve-hien-tuong-tu-thuat-trong-sang-tac-van-xuoi-cua-cac-tac-gia-nu-viet-nam-tu-1990-den-nay/>, ngày 11/04/2013